



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

16

Tháng 8 - 2014

THỦ TƯỚNG NGUYỄN TẤN DŨNG LÀM VIỆC VỚI BỘ XÂY DỰNG VỀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phát biểu tại buổi làm việc



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

16
SỐ 16 - 8/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải 5
- Quyết định số 1266/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định phối hợp trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc 10
- Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động thanh tra về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh 12
- Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(**Trưởng ban**)

CN. BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

ThS. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUỲỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo tham vấn xây dựng dự án: Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và nhà ở cao tầng tại Việt Nam 16
- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu tổng hợp chất phụ gia polyme nhằm tăng cường độ bền cho mộc của sứ vệ sinh 17
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận huyện đảo Phú Quốc là đô thị loại II 19
- Hội nghị thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị trấn Mỹ Thọ (huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp) là đô thị loại IV 21
- Trung Quốc thực hiện Công nghiệp hóa nhà ở để phát triển bất động sản xanh 23
- Một số vấn đề về đường giao thông tại Nga 26
- Vật liệu xây dựng bảo vệ công trình chống bức xạ điện từ 29

Thông tin

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng làm việc với Bộ Xây dựng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng 36
- Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội họp bàn các giải pháp cải tạo chung cư cũ 38
- Hội nghị Sơ kết công tác 06 tháng đầu năm - triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2014 của Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế 40
- Hàn Quốc thúc đẩy hội nhập đô thị và nông thôn phát triển 41
- Trung Quốc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Xây dựng trong tương lai 45
- Trung Quốc triển khai kế hoạch phát triển năng lượng sinh khối 47

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải

Ngày 06/8/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải.

Nghị định này đã quy định nguyên tắc chung trong quản lý thoát nước và xử lý nước thải. Theo đó, dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là loại hình hoạt động công ích, được Nhà nước quan tâm, ưu tiên và khuyến khích đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước và xử lý nước thải, bảo đảm phát triển bền vững. Người gây ô nhiễm phải trả tiền xử lý ô nhiễm, nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước. Nước mưa, nước thải được thu gom, nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan. Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ, được duy tu, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước thải thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Thoát nước và xử lý nước thải phải đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có liên quan đến kết cấu hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ và hoàn trả nguyên trạng hoặc khôi phục lại nếu làm hư hỏng công trình giao thông. Các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hệ thống thoát nước phải có phương án bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định hệ thống thoát nước. Huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

Theo Nghị định này, nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước khu công nghiệp. Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương. Nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật nước thải xả vào hệ thống thoát nước đô thị. Trường hợp nước thải xử lý phi tập trung, căn cứ vào khả năng tiếp nhận và mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xử lý phi tập trung xả vào nguồn tiếp nhận để áp dụng phù hợp với giải pháp xử lý nước thải với quy mô nhỏ, công nghệ đơn giản, đáp ứng được mức độ cần thiết làm sạch nước thải, thuận tiện trong quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống công trình thủy lợi phải bảo đảm các quy chuẩn xả vào hệ thống công trình thủy lợi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, tổ chức tư vấn khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thoát nước có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải của các đô thị phải thực hiện: Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả chi phí dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án, đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện; việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án; dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ xây dựng nhà máy xử lý nước thải, mạng lưới thu gom, chuyển tải nước thải đến hộp đấu nối trên toàn bộ phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước.

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm, tuyến cống áp lực, công trình đầu mối, điểm đấu nối, tuyến cống thu gom, chuyển tải đến nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả... phải tuân thủ các quy trình quản lý, vận hành đã được phê duyệt. Nội dung quản lý, vận hành thoát nước thải bao gồm: Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối, công trình trên mạng lưới thoát nước, độ kín, lắng cặn tại các điểm đấu nối, hố ga và tuyến cống nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa, nạo vét, bảo trì và kế hoạch

phát triển hệ thống thoát nước. Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường. Thiết lập quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định. Đề xuất các phương án phát triển hệ thống thoát nước thải theo lưu vực.

Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được áp dụng đối với các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung. Việc áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải đạt được hiệu quả về kinh tế và bảo vệ môi trường, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường. Khi áp dụng giải pháp xử lý phi tập trung phải tính đến khả năng đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trong tương lai và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý xử lý nước thải phi tập trung.

Sử dụng nước thải sau xử lý phải đảm bảo yêu cầu: Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, đảm bảo không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

Bùn thải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trong trường hợp bùn

thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Việc xử lý và tái sử dụng bùn thải phải tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng bùn thải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định về bảo vệ môi trường. Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải có các giải pháp thu gom và xử lý bùn thải phù hợp.

Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thiết kế và xây dựng các điểm xả phải bảo đảm chống xâm nhập ngược từ nguồn tiếp nhận và ảnh hưởng của ngập úng đô thị. Việc

xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý thống nhất theo lưu vực. UBND cấp tỉnh quy định phân cấp, quản lý thống nhất các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; phối hợp với các địa phương liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 1266/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 28/7/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1266/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo Quyết định này, phạm vi lập quy hoạch có diện tích 21.052 ha, bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư, xã Gia Sinh thuộc huyện Gia Viễn, xã Mai Sơn thuộc huyện Yên Mô, xã Khánh Hòa và xã Khánh Phú thuộc huyện Yên Khánh, một phần ranh giới hành chính xã Yên Sơn và phường Tân Bình thuộc thị xã Tam Điệp, xã Sơn Lai và xã Sơn Hà thuộc huyện Nho Quan. Đến năm 2020, quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 4.304 ha, đến năm 2030, quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 6.038 ha. Đô thị Ninh Bình phát triển theo mô hình đô thị đa tâm, gồm khu vực đô thị trung tâm tập trung chủ yếu tại thành phố Ninh Bình, thị trấn Thiên Tôn, các khu vực đô thị phụ trợ là đô thị Bái Đính và các trung tâm Ninh Hải - Ninh Thắng, Ninh Vân, Mai Sơn kết nối bằng hệ thống giao thông đô thị và vùng cảnh quan di sản văn hóa thiên

nhiên, Quần thể danh thắng Tràng An, vùng sinh thái nông nghiệp là vùng đệm xanh bảo vệ Quần thể danh thắng Tràng An và hạn chế phát triển lan tỏa của khu vực đô thị trung tâm.

Không gian đô thị Ninh Bình được phân thành bốn phân vùng phát triển: Khu vực đô thị trung tâm (gồm khu đô thị hiện hữu, khu đô thị mở rộng về phía Nam, khu đô thị mở rộng về phía Bắc), Khu vực Bái Đính (gồm khu đô thị Bái Đính, khu nông thôn Bái Đính), Quần thể danh thắng Tràng An (gồm Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tràng An - Tam Cốc - Bích Động, rừng nguyên sinh đặc dụng Hoa Lư), vùng nông thôn (gồm trung tâm Ninh Hải - Ninh Thắng, trung tâm Ninh Vân, trung tâm Mai Sơn, khu nông thôn). Cụ thể, khu vực đô thị trung tâm là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, y tế, giáo dục đào tạo chất lượng cao tỉnh Ninh Bình với dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 29,6 vạn người, đất xây dựng đô thị khoảng 5.331 ha, được chia thành ba phân khu: khu đô thị hiện hữu, khu đô thị mở rộng về phía Nam, khu đô thị mở rộng về phía Bắc. Đối

với khu vực đã xây dựng trong khu đô thị hiện hữu, cải tạo, nâng cấp các trung tâm hành chính, công cộng, thương mại, dịch vụ; di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp ra bên ngoài; bổ sung hoàn thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật; cải tạo, chỉnh trang cảnh quan đô thị, chỉnh trang kiến trúc các khu dân cư và làng xóm đô thị hóa trong quá trình mở rộng đô thị. Đối với khu vực xây dựng mới, phát triển các trung tâm văn hóa, dịch vụ - thương mại cấp tỉnh và các khu đô thị mới chất lượng cao, kiến trúc hiện đại, có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ; xây dựng trục đường Đinh Tiên Hoàng, đường Vạn Hạnh và hai bờ sông Vân thành trục không gian cảnh quan chính đô thị; Quảng trường Đinh Tiên Hoàng Đế và Công viên văn hóa Tràng An trở thành nơi tổ chức những sự kiện văn hóa, giải trí có ý nghĩa của Tỉnh. Khu đô thị mở rộng về phía Nam xây dựng trung tâm thương mại cấp tỉnh và đô thị dọc tuyến T24, T21 nối hành lang cao tốc Bắc Nam vào khu vực ga Ninh Bình mới; xây dựng bổ sung hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho các khu dân cư hiện hữu theo tiêu chuẩn hiện hành; xây dựng các khu nhà ở mới hỗn hợp mật độ trung bình và thấp với chức năng là đô thị dịch vụ đầu mối giao thông và công nghiệp; hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Phúc Sơn, Khánh Phú kết hợp hình thành các trung tâm dịch vụ trung chuyển hàng hóa, các khu nhà ở công nhân và các tiện ích đô thị khác. Khu đô thị mở rộng về phía Bắc mở rộng quy mô các công trình trụ sở cơ quan hành chính đã có, các công trình dịch vụ đô thị hiện hữu đạt đủ chỉ tiêu theo quy chuẩn; nâng cấp hệ thống công sở, trung tâm thương mại, dịch vụ tại khu vực Thiên Tôn; xây dựng mới hệ thống công trình dịch vụ, thương mại, tài chính, ngân hàng, văn phòng cấp tỉnh chất lượng cao, kiến trúc hiện đại dọc quốc lộ 1A và đường Đinh Tiên Hoàng kéo dài; xây dựng hồ điều hòa tại Ninh Khang kết hợp công viên vui chơi giải trí cấp đô thị; hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội,

hạ tầng kỹ thuật và phát triển quỹ đất trung tâm các khu ở mới; xây dựng và nâng cao tiện ích các khu đô thị mới thấp tầng với mật độ trung bình kết hợp với không gian cây xanh mặt nước; xây dựng các khu đô thị mới kiểu mẫu hướng mở ra sông Đáy tại Ninh Khang, kết hợp xây dựng khu vực ven sông Đáy trở thành khu vực đặc trưng của đô thị Ninh Bình.

Khu vực Bái Đính là khu du lịch tâm linh và khu đô thị đại học mới, được chia thành hai phân khu: Khu vực phát triển đô thị Bái Đính và khu nông thôn Bái Đính. Khu vực phát triển đô thị Bái Đính là khu đô thị mới và khu du lịch tâm linh, có chức năng hỗn hợp và đặc thù riêng, hoạt động tương đối độc lập hỗ trợ và chia sẻ với khu vực đô thị tập trung về nhà ở, du lịch, kết nối với khu đô thị tập trung qua tuyến quốc lộ 38B và thúc đẩy phát triển khu vực phía Tây đô thị Ninh Bình với dân số dự báo đến năm 2030 đạt khoảng 1,0 - 1,2 vạn người, đất xây dựng đô thị khoảng 710 - 800 ha. Khu nông thôn Bái Đính là đô thị đại học mới và khu dân cư nông thôn với dân số dự báo đến năm 2030 đạt khoảng 0,8 - 1,0 vạn người, đất xây dựng khu dân cư nông thôn khoảng 380 - 400 ha, đất xây dựng cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo động lực phát triển đô thị 240 - 260 ha.

Quần thể danh thắng Tràng An là vùng lõi di sản văn hóa - thiên nhiên danh thắng Tràng An, được chia thành ba phân khu: Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tràng An - Tam Cốc - Bích Động, rừng nguyên sinh đặc dụng Hoa Lư. Định hướng phát triển Cố đô Hoa Lư là bảo tồn, cải tạo không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và tôn vinh văn hóa, lịch sử truyền thống của Cố đô Hoa Lư, bảo tồn các di tích hiện hữu của Khu di tích lịch sử, bảo vệ, tôn tạo hệ thống cảnh quan di sản tự nhiên, cảnh quan di sản văn hóa cùng với việc hoàn chỉnh hệ thống cảnh quan nhân tạo, bảo tồn toàn bộ các dãy núi đá vôi trong khu vực, bao gồm các núi đơn lẻ; phát huy giá trị di tích phục vụ phát triển du lịch văn hóa, sinh thái và kinh tế địa phương;

kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng để không ảnh hưởng đến bảo tồn di sản; khống chế tỉ lệ tăng dân số, không phát triển mở rộng các khu dân cư hiện hữu tại đây; xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng xã hội, hệ thống dịch vụ và cơ sở hạ tầng du lịch. Định hướng phát triển khu du lịch Tràng An - Tam Cốc - Bích Động là bảo vệ, tôn tạo hệ thống cảnh quan di sản tự nhiên và văn hóa, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cảnh quan nhân tạo và mạng lưới giao thông thủy, xây dựng mạng lưới các công trình dịch vụ du lịch theo mô hình sinh thái quy mô vừa và nhỏ; khống chế tỉ lệ tăng dân số, không mở rộng các khu dân cư hiện hữu hoặc phát triển đô thị hóa, gìn giữ cấu trúc làng xóm nông thôn truyền thống; xây dựng hệ thống cơ sở đón tiếp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội. Rừng nguyên sinh đặc dụng Hoa Lư là khu vực bảo tồn đặc biệt nghiêm ngặt, bảo tồn nguyên trạng giá trị, tính toàn vẹn và xác thực của di sản.

Vùng nông thôn duy trì cảnh quan nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích chuyển đổi mô hình nông nghiệp công nghệ cao, cung cấp thực phẩm cho đô thị Ninh Bình. Cụ thể, các trung tâm Ninh Hải - Ninh Thắng, Ninh Vân, Mai Sơn phát triển mô hình khu dân cư sinh thái mật độ thấp, là trung tâm dịch vụ hỗ trợ du lịch, nông nghiệp, làng nghề truyền thống. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn là cải tạo và xây dựng nông thôn mới trên cơ sở giữ gìn cấu trúc không gian làng, xã truyền thống; bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, tôn giáo và cảnh quan thiên nhiên gắn với khai thác du lịch nông thôn; xây dựng và phát triển nông thôn mới đạt các tiêu chuẩn của quốc gia.

Về thoát nước mưa, nâng cấp cải tạo đê sông Hoàng Long, đê sông Đáy; nạo vét, mở rộng sông Chanh, sông Vân, kênh Ba Xã, kênh Đô Thiên và kênh Quyết Thắng; sử dụng hệ thống hồ để làm chức năng điều tiết nước; tại khu vực đô thị cũ xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng; tại khu vực xây mới xây dựng hệ

thống thoát nước riêng theo nguyên tắc tự chảy. Nước thải được thu gom theo hệ thống thoát nước thải riêng biệt, dẫn đến trạm xử lý tập trung. Về thu gom và xử lý chất thải rắn, đến năm 2030 lượng chất thải khoảng 785 tấn/ngày, trong đó rác thải công nghiệp khoảng 190 tấn/ngày, rác thải sinh hoạt khoảng 590 tấn/ngày. Tỉ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 95%, rác thải công nghiệp đạt 100%. Chất thải rắn đưa về 3 khu xử lý, gồm khu xử lý chất thải rắn tại Tam Điệp, quy mô 30 ha, công suất xử lý 250 tấn/ngày đêm; khu xử lý chất thải rắn xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, quy mô 50 ha và công suất 230 tấn/ngày đêm; khu xử lý chất thải rắn xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn quy mô 50 ha và công suất 500 tấn/ngày đêm.

Về quy hoạch nghĩa trang, nhà tang lễ tại khu vực nội thị, các nghĩa trang hiện có tiếp tục chôn cất đến khi lấp đầy; khoanh vùng, cải tạo thành công viên nghĩa trang theo lộ trình. Tại khu vực ngoại thị, chôn cất vào các nghĩa trang theo quy hoạch nông thôn mới. Đến năm 2030, bố trí 1 nhà tang lễ ở khu vực đô thị mở rộng tại phía Bắc.

Cũng theo Quy hoạch này, cần sử dụng, khai thác nguồn nước hợp lý, đảm bảo các quy định về môi trường trong khu vực bảo vệ nguồn nước, nghiêm cấm xả thải trực tiếp ra nguồn nước; duy trì và bảo vệ diện tích mặt nước, tạo vùng lưu trữ nước; tăng cường tỉ lệ và mật độ cây xanh; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và giao thông sử dụng năng lượng sạch; kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường nhận thức và sự tham gia cộng đồng trong các vấn đề môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Vĩnh Phúc ban hành Quy định phối hợp trong việc
kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động
xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác,
sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý
công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà
và công sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

Ngày 14/7/2014, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định phối hợp trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Về nguyên tắc xử lý, Quy định này quy định: Việc xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và công dân cùng tham gia giám sát. Mọi thông tin phản ánh về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng phải được kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân và các thông tin có liên quan đến người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Thanh tra viên, cán bộ, công chức và nhân viên được giao nhiệm vụ quản lý xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng thì phải báo cáo hoặc có biện pháp xử lý kịp thời những hành vi vi phạm.

Về nguyên tắc công khai, minh bạch, quyết định đình chỉ thi công, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế phá dỡ, thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế phải

được niêm yết công khai tại công trình vi phạm và tại trụ sở UBND cấp xã. Các tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm hành chính đều phải bị xử lý. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình nếu vi phạm sẽ công bố công khai trên trang tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng và UBND tỉnh Vĩnh Phúc khi gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội theo quy định tại Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007. Trường hợp xử lý công trình vi phạm theo thông tin phản ánh của các tổ chức hoặc cá nhân chuyển đến thì các cơ quan có trách nhiệm phải xác minh thông tin và phải thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để biết và cùng tham gia giám sát.

Theo Quy định này, quan hệ phối hợp phải đồng bộ, thống nhất và được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan theo quy định của pháp luật. Đảm bảo sự thống nhất, kịp thời, tránh chồng chéo trong quá trình kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia, phối hợp với cơ quan chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quyền hạn theo quy định. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc

thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện. Khi áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản hoặc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính về Thanh tra Sở Xây dựng.

Thanh tra Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, chính quyền, tổ chức nơi có công trình xây dựng; phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để kiểm tra các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp giấy phép xây dựng. Nếu phát hiện hành vi vi phạm, Thanh tra Sở xử lý vi phạm hoặc báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin các công trình vi phạm trật tự xây dựng phải kịp thời lập hồ sơ xử lý vi phạm chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định, đồng thời có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn phụ trách.

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác kiểm tra, điều kiện khởi công xây dựng công trình, giám sát chủ đầu tư xây dựng công trình theo nội dung giấy phép xây dựng được cấp hoặc hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các trường hợp xây dựng không phép, sai phép trên địa bàn mình quản lý; chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp xã và có kế hoạch phát huy vai trò của hệ thống chính trị tại địa phương cùng tham gia phát hiện và xử lý các công trình xây dựng không phép trên địa bàn.

Khi phát hiện hoặc có thông tin về công trình vi phạm không phép thì UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo UBND cấp xã kiểm tra, xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Quy định này; tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng trên địa bàn do các cấp có thẩm quyền ban hành; chỉ đạo lực lượng phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn; phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền, kịp thời cung cấp thông tin và các công trình xây dựng cho Thanh tra Sở Xây dựng để làm cơ sở xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng.

UBND cấp xã nơi có công trình xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn của mình quản lý. Khi phát hiện vi phạm có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản ngừng thi công, quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chủ tịch UBND huyện xử lý vi phạm theo thẩm quyền đó. Tổ chức lực lượng cấm các phương tiện vận chuyển vật tư, vật liệu, công nhân vào thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, yêu cầu ngừng cung cấp các dịch vụ đối với công trình vi phạm, quyết định cưỡng chế phá dỡ hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phá dỡ, tổ chức phá dỡ công trình vi phạm theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định trách nhiệm của Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phối hợp xử lý vi phạm hành chính trong quản lý phát triển nhà và công sở.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.vinhphuc.gov.vn)**

Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động thanh tra về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Ngày 28/7/2014, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động thanh tra về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm: Xây dựng kế hoạch thanh tra, tổ chức thanh tra, phân công trách nhiệm, phối hợp hoạt động, xử lý chồng chéo trong quá trình tiến hành thanh tra giữa các tổ chức thanh tra và các tổ chức có liên quan; với mục đích: Thống nhất chương trình, kế hoạch thanh tra đối với lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn Tỉnh nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian trong hoạt động thanh tra, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động thanh tra trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng.

Theo Quy định này, thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh định hướng chỉ đạo chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm của các tổ chức thanh tra trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các nội dung, lĩnh vực trong hoạt động xây dựng phải được đề cập một cách toàn diện. Việc hướng dẫn xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh và phê duyệt của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010. Trước khi phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm Giám đốc các Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về quản lý đầu tư xây dựng phải lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Thanh tra tỉnh. Thanh tra tỉnh thực hiện điều phối và xử lý chồng chéo trong chương trình, kế hoạch bằng việc cho ý kiến cụ thể trong việc xác định đối tượng thanh tra, nội

dung thanh tra của các địa phương, đơn vị. Nếu có dự án, công trình cùng có trong dự kiến của Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra cấp huyện thì Thanh tra tỉnh thực hiện điều chỉnh theo nguyên tắc ưu tiên thứ tự ổn định kế hoạch: Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Tài chính, Thanh tra sở chuyên ngành, Thanh tra cấp huyện. Trường hợp đến ngày 05/12 hàng năm nếu Thanh tra tỉnh chưa có ý kiến bằng văn bản nhưng không có lý do khách quan thì coi như đồng ý với chương trình, kế hoạch được trình. Chậm nhất sau 10 ngày khi chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đã được phê duyệt Giám đốc các Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về quản lý đầu tư xây dựng phải gửi văn bản phê duyệt kèm kế hoạch về Thanh tra tỉnh. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, đưa lên trang thông tin điện tử của Ngành để theo dõi việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch chung trên địa bàn toàn tỉnh. Trường hợp Thanh tra các Bộ, ngành Trung ương có kế hoạch triển khai thanh tra trên địa bàn tỉnh thì Giám đốc, Chánh Thanh tra các sở phải biết cụ thể kế hoạch của Bộ, ngành liên quan và báo cáo cho Chánh Thanh tra tỉnh. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ động phối hợp với Chánh Thanh tra Bộ, ngành Trung ương để xử lý chồng chéo (nếu có) đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch của địa phương; báo cáo kết quả phối hợp với Thanh tra Bộ, ngành Trung ương cho UBND tỉnh.

Quy định này quy định các địa phương, đơn vị phải chủ động triển khai thực hiện chương

trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt đảm bảo đúng đối tượng, nội dung và thời gian tiến hành thanh tra. Việc thanh tra đối với các đối tượng và nội dung không có trong chương trình kế hoạch thanh tra (nếu có) mà không phải do yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên thì được xem là tiến hành thanh tra đột xuất và phải được thực hiện theo quy trình tổ chức thanh tra đột xuất. Giám đốc Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm về việc tiến hành thanh tra đột xuất này. Trường hợp việc tổ chức thanh tra không được tiến hành đúng theo chương trình kế hoạch, thì: Trường hợp trong năm kế hoạch, các đơn vị đã được xác định là đối tượng thanh tra nhưng không triển khai thanh tra thì cơ quan tiến hành thanh tra phải đồng thời thông báo cho Thanh tra tỉnh và đơn vị trước thời gian dự kiến thanh tra theo kế hoạch là 30 ngày. Thông báo phải nêu rõ lý do chưa triển khai và việc có hay không đưa vào kế hoạch năm tiếp theo. Trường hợp các tổ chức thanh tra không tiến hành đúng thời gian theo kế hoạch thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải đồng thời thông báo cho Thanh tra tỉnh và đơn vị trước thời gian dự kiến thanh tra theo kế hoạch là 30 ngày. Việc điều chỉnh thời gian tổ chức thanh tra phải được bàn bạc, thống nhất giữa đối tượng và cơ quan tiến hành thanh tra, đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra chuyên ngành về đầu tư xây dựng, thanh tra các sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính tập trung các nội dung sau: Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tập trung thanh tra các nội dung về lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch phân bổ, quản lý và sử dụng vốn, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu, tiến độ thực hiện dự án. Thanh tra Sở Xây dựng tập trung thanh tra các nội dung về quy hoạch, kiến trúc, áp dụng quy chuẩn xây

dựng, tiêu chuẩn xây dựng, định mức vật liệu đối với công trình xây dựng (kể cả việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam), quản lý chất lượng công trình xây dựng, phát triển, quản lý sử dụng nhà, kinh doanh bất động sản, quản lý sử dụng công sở, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện, cấp, thu hồi và quản lý xây dựng theo Giấy phép xây dựng, năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng. Các dự án, công trình thuộc đối tượng thanh tra toàn diện đã nằm trong chương trình kế hoạch (đã được phê duyệt) của Thanh tra tỉnh, Thanh tra các Sở, ngành và Thanh tra cấp huyện thì hoạt động thanh tra, kiểm tra của thanh tra chuyên ngành xây dựng chỉ được thực hiện khi cần thiết hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng phải thông báo cho đơn vị đã có kế hoạch thanh tra biết việc thanh tra và kết quả thanh tra ngay sau khi kết thúc.

Cũng theo Quy định này, Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra giữa các tổ chức thanh tra trên địa bàn, trường hợp việc chồng chéo chưa được phát hiện trong quá trình xây dựng kế hoạch nếu phát sinh trong quá trình hoạt động thì việc xử lý thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này. Trường hợp vướng mắc do quy định của pháp luật phải kịp thời báo cáo Thanh tra tỉnh để tổng hợp trình UBND tỉnh xử lý. Các cuộc thanh tra do UBND tỉnh tổ chức nếu có nội dung nằm trong kế hoạch thanh tra của các đơn vị mà chưa thực hiện thì các đơn vị chủ động đưa ra khỏi kế hoạch và bổ sung chương trình, kế hoạch thanh tra phù hợp với đặc điểm tình hình. Trường hợp đã thực hiện thì phải báo cáo kết quả thanh tra cho Đoàn thanh tra do UBND tỉnh thành lập. Khi các Bộ, ngành Trung ương tiến hành các hoạt động thanh tra chuyên ngành về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn thì Giám

đốc, Chánh thanh tra các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm nắm tình hình báo cáo UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh để phối hợp. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Chánh thanh tra các Bộ, ngành liên quan để xử lý việc chồng chéo (nếu có) trong hoạt động đảm bảo sự thống nhất chương trình kế hoạch thanh tra trên địa bàn toàn tỉnh. Trường hợp việc xử lý gặp khó khăn, vướng mắc hoặc vượt thẩm

quyền thì Chánh Thanh tra tỉnh phải kịp thời báo cáo và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phương án xử lý và Báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hatinh.gov.vn)

Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Ngày 18/8/2014, UBND tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với mục tiêu: Phân định rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm trong quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý Khu kinh tế và UBND cấp huyện; tăng cường sự phối hợp giữa Sở Xây dựng với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý Khu kinh tế và UBND cấp huyện để thống nhất quản lý, kịp thời đề xuất với UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phù hợp với điều kiện của địa phương.

Theo Quy định này, việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện từ khi chuẩn bị đầu tư cho đến khi hết niên hạn sử dụng công trình và phải tuân theo quy định của Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009; Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định

83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 12/2009/NĐ-CP; Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định 15/2013/NĐ-CP); Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Thông tư 10/2013/TT-BXD); Thông tư 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình (Thông tư 13/2013/TT-BXD) và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

Cụ thể, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật, trừ các công trình đã được phân cấp theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đã được phân cấp theo quy định; thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình do UBND cấp huyện đề nghị.

Sở Giao thông vận tải quản lý nhà nước về

chất lượng công trình giao thông trừ các công trình đã được phân cấp theo quy định. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trừ các công trình đã được phân cấp theo quy định. Sở Công Thương quản lý nhà nước về chất lượng công trình hầm mỏ dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành trừ các công trình đã được phân cấp theo quy định. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng chuyên ngành đã được phân cấp theo quy định; thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình chuyên ngành do UBND cấp huyện đề nghị.

Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế của tỉnh thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng; phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình (không do mình làm chủ đầu tư)

trong các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng cấp III, cấp IV nêu tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP (không do mình làm chủ đầu tư) trong các khu công nghiệp của tỉnh; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh; báo cáo sự cố và giải quyết sự cố các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo định kỳ hàng năm và đột xuất khi cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.quangbinh.gov.vn)**

Hội thảo tham vấn xây dựng dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và nhà ở cao tầng tại Việt Nam”

Ngày 15/8/2014 tại Hà Nội, Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường Bộ Xây dựng đã phối hợp với Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) tổ chức Hội thảo tham vấn xây dựng dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và nhà ở cao tầng tại Việt Nam”.

Tham dự Hội thảo có TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường Bộ Xây dựng; ông Đào Xuân Lai - Trưởng phòng Phát triển bền vững của UNDP; ông Sommai Phon Amnuaisuk - chuyên gia đại diện cho đơn vị tư vấn quốc tế; đại diện các cơ quan nghiên cứu và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, các trường đại học, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ và Trung tâm tiết kiệm năng lượng của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Theo nội dung báo cáo tại Hội thảo, Dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và nhà ở cao tầng tại Việt Nam” (viết tắt là dự án EECCB) được xây dựng dựa trên cơ sở Bản ý tưởng dự án đã được Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) phê duyệt.

Mục tiêu của dự án nhằm hỗ trợ quá trình chuyển hướng sang phát triển với hàm lượng cacbon thấp trong ngành Xây dựng tại Việt Nam; cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng ở các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng chủ yếu là những tòa nhà có tổng diện tích sàn rộng hơn 2.500m², trong đó có các tòa nhà văn phòng thuộc Chính phủ cũng như của tư nhân, các khách sạn, bệnh viện, trung tâm mua bán, cơ sở giáo dục, chung cư và cửa hàng dịch vụ; thực hiện dỡ bỏ các rào cản đối với việc thực thi nghiêm chỉnh Quy chuẩn EEBC (Quy chuẩn quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả) và đối



Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường Nguyễn Trung Hòa phát biểu tại Hội thảo

với việc tiếp thu nhiều hơn nữa các công nghệ, hệ thống và thực hành tiết kiệm năng lượng trong xây dựng các tòa nhà.

Dự án EECCB sẽ được thực hiện hóa thông qua việc thực hiện 3 hợp phần, mỗi hợp phần đều có một số hoạt động mang tính bổ sung cho nhau, cụ thể: Hợp phần 1 - cải thiện và thực thi Quy chuẩn xây dựng tiết kiệm năng lượng; Hợp phần 2 - các sáng kiến hỗ trợ phát triển thị trường xây dựng; Hợp phần 3 - các ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong xây dựng và các hoạt động nhân rộng.

Các kết quả dự kiến đạt được từ 3 hợp phần trên sẽ là: Có các khung điều tiết, luật pháp và chính sách toàn diện về thiết kế, thi công và vận hành tiết kiệm năng lượng đối với các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng được nâng cấp và thực thi; việc tuân thủ Quy chuẩn EEBC sẽ được tăng cường ở các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường năng lực trong nước về thiết kế, thi công và vận hành tiết kiệm năng lượng đối với các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng; việc sử dụng các vật liệu xây dựng và ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng được tăng cường tại Hà Nội và

Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông qua việc thực hiện các quy định và hướng dẫn cũng như các công cụ hỗ trợ kỹ thuật, kể cả các mô hình mô phỏng và định mức năng lượng trong các tòa nhà, cùng với các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức, dự kiến mức độ tuân thủ các quy chuẩn xây dựng tiết kiệm trong các tòa nhà xây mới tại hai thành phố chính của Việt Nam sẽ tăng lên đến 50% đến cuối dự án EECB. Ngoài ra, thông qua kết quả của các dự án trình diễn và các hoạt động phổ biến kết quả, tỷ lệ các tòa nhà được nâng cao có thể tiết kiệm 10% năng lượng, sẽ tăng từ chưa đến 5% hiện nay, lên đến 30% tất cả các tòa nhà thương mại đến cuối Dự án EECB.

Góp ý cho nội dung Dự án, Đại diện của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ nhấn mạnh: cơ chế tài chính là một phần rất quan trọng. Những quốc gia phát triển luôn chú trọng tới việc hỗ trợ tài chính cho các Chủ đầu tư khi tham gia đầu tư vào các dự án tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, cơ chế này lại chưa phát triển. Nếu có một cơ chế hợp lý, sẽ giúp mô hình được nhân rộng, dù cho dự án có kết thúc, thì vẫn đảm bảo tính bền vững.

Nhiều chuyên gia cũng cho rằng việc bổ sung thêm cấp độ, kiến thức về tiết kiệm năng lượng cho các cán bộ cấp cao trong dự án là rất cần thiết, ngoài ra, cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ngành với nhau và cần thiết lập các công ty dịch vụ năng lượng, với

những chuyên gia có năng lực và giàu kinh nghiệm, để làm chỗ dựa tin cậy cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Phát biểu tại Hội thảo, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường Nguyễn Trung Hòa cho biết, Bộ Xây dựng đang tiến hành 3 dự án liên quan tới tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà, do đó, đề nghị nhóm tư vấn gặp gỡ và trao đổi các chuyên gia của các dự án này nhằm thúc đẩy việc thực hiện dự án được tốt hơn. Theo TS. Nguyễn Trung Hòa, để nâng cao tính bền vững của dự án, hoạt động của dự án là việc quan trọng nhất, nó sẽ hỗ trợ cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng thể chế, chính sách quản lý, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào dự án. Bên cạnh đó, tính bền vững của dự án còn phụ thuộc rất nhiều vào hiệu quả thực sự của dự án trình diễn, bởi đó sẽ là bằng chứng để cho các chủ đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước có thể đánh giá và nhìn nhận. Đối với việc đào tạo đánh giá năng lực, dự án cũng không nên quá tham vọng, về sau sẽ thể chế hóa trong văn bản pháp luật về yêu cầu năng lực, từ những yêu cầu pháp luật sẽ buộc những người muốn tham gia vào tư vấn phải tự nâng cao năng lực của mình và tự tìm đến các trung tâm có khả năng đào tạo.

Bích Ngọc

Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu tổng hợp chất phụ gia polyme nhằm tăng cường độ bền cho mộc của sứ vệ sinh”

Ngày 21/8/2014 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu tổng hợp chất phụ gia polyme nhằm tăng cường độ bền cho mộc của sứ vệ sinh” do Viện Nghiên cứu & Phát triển Viglacera, Tổng Công ty Viglacera chủ trì

thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài Phạm Ngọc Trung, hiện nay, các đơn vị sản xuất sứ vệ sinh của nước ta chủ yếu đang sử dụng đất

sét Trúc Thôn (Chí Linh - Hải Dương) làm nguyên liệu sản xuất. Đây là loại nguyên liệu quý, độ trắng, độ dẻo, hàm lượng nhôm cao, nên sản phẩm làm ra có chất lượng tốt và ổn định. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu này đang ngày càng khan hiếm dần, để khắc phục, một số đơn vị sản xuất - nhất là ở miền Nam - đã sử dụng loại sét trắng chất lượng thấp hơn hoặc sét trắng nhập khẩu từ Thái Lan, Trung Quốc. Do đó, các nhà sản xuất đã phải tính tới phương án sử dụng phụ gia tăng cường độ mộc trong quá trình sản xuất để bù lại việc sử dụng đất sét chất lượng thấp. Việc nghiên cứu tổng hợp chất phụ gia polyme để tăng cường độ bền cho mộc của sứ vệ sinh trong Đề tài này đã đáp ứng kịp thời những vấn đề về nguyên liệu sản xuất sứ vệ sinh, đồng thời góp phần tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm.

Theo chủ nhiệm đề tài, phân loại theo quá trình định hình thì công nghệ sản xuất sứ vệ sinh hiện nay có 3 hình thức là tạo hình tự do, đúc khuôn và đổ rót, trong đó hình thức đổ rót thường được áp dụng để tạo hình các sản phẩm có hình dạng phức tạp. Trong công nghệ đổ rót, chất lượng của hồ liên quan đến độ nhớt, tỷ trọng, độ ổn định lưu biến...có vai trò quan trọng đối với quá trình tạo hình sản phẩm trong khuôn thạch cao. Giải pháp nâng cao cơ tính cho mộc và tạo độ dẻo cho hồ đổ rót là sử dụng thêm các chất phụ gia polyme tổng hợp. Bên cạnh đó, ứng dụng phụ gia polyme còn giúp giảm thiểu những sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất như nứt mộc, co ngót sản phẩm không đồng đều.

Trong quá trình thực hiện, nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu tổng hợp hệ polyme ưa nước trên cơ sở polyvinyl alcohol (PVA) và tổng hợp phụ gia polyme từ tannin và hợp chất vô cơ. Sau khi biến tính polyvinyl alcohol bằng H_3PO_4 và xác định được quy trình công nghệ tối ưu để biến tính, sản phẩm thu được (PVA-P) phù hợp để sử dụng làm phụ gia tăng cường độ bền mộc cho sứ vệ sinh. Để so sánh, nhóm đã tiến hành biến tính tannin bằng formadehyde và rút ra kết



ThS. Trần Đình Thái phát biểu kết luận cuộc họp luận: phụ gia tannin biến tính không phù hợp làm phụ gia tăng cường độ mộc cho sứ vệ sinh. Nhóm cũng đã nghiên cứu cấu trúc cũng như khả năng tăng cường độ dẻo cho đất sét của polyme tổng hợp được; nghiên cứu các điều kiện về pH và thành phần khoáng khác liên quan với khả năng tăng cường độ dẻo của polyme. Phụ gia PVA-P được thử nghiệm trên hồ xương sứ vệ sinh đang sản xuất tại công ty CP sứ Viglacera Thanh Trì, với nồng độ từ 0,2 đến 1% tính theo phối liệu khô của hồ xương; cường độ mộc tăng lên từ 104,8 tới 140,6% so với cường độ mộc của hồ xương không sử dụng phụ gia. Còn thử nghiệm trên quy mô nhỏ tại công ty CP sứ Bình Dương, với nồng độ từ 0,1 đến 0,6% tính theo phối liệu khô của hồ xương, cường độ mộc tăng từ 108,9 lên 117,8% so với cường độ mộc của hồ xương không sử dụng phụ gia. Đặc biệt khi cho phụ gia vào nghiền cùng phối liệu thì tỷ lệ thu hồi trên các công đoạn gia công tạo hình mộc tăng thêm từ 0,15 đến 2,7%; tỷ lệ thu hồi sản phẩm sau nung tăng 1,67%; chất lượng sản phẩm sứ sau nung ổn định.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính khoa học, tính thực tiễn và hiệu quả kinh tế của đề tài. Để tăng tính thuyết phục và tính ứng dụng cho đề tài, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về hình thức trình bày (ngoài bảng biểu cần có thêm hình ảnh minh họa sinh động); rút gọn một số nội dung; tài liệu tham khảo nên cụ thể hơn; có những nghiên cứu và phân tích sâu hơn các kết quả thử nghiệm sản xuất ứng dụng

sản phẩm PVA-P tại 02 nhà máy khác nhau. Một số vấn đề như chỉ số dẻo; các thông số về tỷ trọng, độ ẩm, cường độ mộc trong phần nghiên cứu ảnh hưởng của phụ gia PVA-P lên hồ xương sủ đang sản xuất cũng được Hội đồng và nhóm đề tài cùng thảo luận, tìm ra các kết luận phù hợp.

Đại diện cho các nhà sản xuất, ông Ngô Trung Dũng - Tổng Giám đốc công ty CP sủ Viglacera Thanh Trì cho biết: việc chế tạo phụ gia tăng cường độ bền mộc cho sủ vệ sinh có ưu điểm là đầu tư thấp, máy móc thiết bị có thể tự chế tạo hoặc mua trong nước, nguyên liệu sẵn có trên thị trường; và đề xuất đề tài tiếp tục được triển khai thực hiện dưới hình thức Dự án

sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện việc ứng dụng sản phẩm đề tài vào thực tế sản xuất sủ vệ sinh.

Kết luận cuộc họp, ThS. Trần Đình Thái bày tỏ sự nhất trí cao với Hội đồng, lưu ý nhóm đề tài tiếp thu chỉnh sửa lại một số nội dung theo các ý kiến đóng góp; đi sâu nghiên cứu cơ chế phản ứng hóa để khẳng định việc lựa chọn PVA là hợp lý; phân tích cơ sở đưa ra giá thành, nâng cao tính kinh tế và cạnh tranh cho sản phẩm.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận huyện đảo Phú Quốc là đô thị loại II

Ngày 21/8/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận huyện đảo Phú Quốc - tỉnh Kiên Giang là đô thị loại II. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quốc gia về nâng loại đô thị - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định gồm đại diện của Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Về phía địa phương có Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nghị và đại diện lãnh đạo các Sở ngành tỉnh Kiên Giang và huyện Phú Quốc.

Báo cáo với Hội đồng thẩm định về những nội dung cơ bản của Đề án, Phó Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc Huỳnh Quang Hưng cho biết, huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang nằm ở khu vực trung tâm của vùng Đông Nam Á, có diện tích 589,23km², dân số 96.940 người (năm 2012), tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú.

Với những lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bờ biển dài 150 km với nhiều bãi tắm đẹp, có tài



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu kết luận Hội nghị

nguyên rừng chiếm 65% diện tích của đảo được UNESCO công nhận là khu vực dự trữ sinh quyển thế giới, có sân bay quốc tế để liên kết giao thương thuận lợi bằng đường hàng không với các vùng kinh tế quốc gia và quốc tế, Phú Quốc có tiềm năng lớn về phát triển du lịch và kinh tế biển, có thể phát triển thành một trung tâm lớn về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, trung tâm thương mại dịch vụ tầm cỡ quốc tế.

Từ khi triển khai Quyết định số 178/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Đề án phát triển tổng thể đảo Phú

Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”, nhất là từ sau Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/5/2010 phê duyệt “điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030”, huyện đảo Phú Quốc đã có sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Phú Quốc trong thời kỳ 2010-2013 ước đạt 26,15% mỗi năm, thu nhập đầu người năm 2013 đạt 3.416 USD, các công trình hạ tầng giao thông được tập trung đầu tư đồng bộ, xây dựng đường cáp ngầm và trạm điện hòa lưới điện quốc gia, các công trình hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, cơ sở văn hóa thể thao, công trình công cộng được quan tâm đầu tư để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và đời sống của nhân dân.

Đánh giá theo các tiêu chí của đô thị loại II theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về phân loại đô thị, đến nay Phú Quốc đã cơ bản hội đủ các điều kiện để được công nhận là đô thị loại II. Việc được nâng loại lên đô thị loại II sẽ tạo những tiền đề thuận lợi để Phú Quốc phát triển nhanh hơn, bền vững hơn về kinh tế - xã hội và củng cố tiềm lực về quốc phòng, an ninh ở vùng biển phía Tây - Nam đất nước.

Nhận xét về Đề án đề nghị nâng loại đô thị của Phú Quốc, các chuyên gia phản biện của Hội đồng đều đánh giá cao sự nghiêm túc, công phu trong việc chuẩn bị Đề án của huyện Phú Quốc, nhất trí với nhận định của Đề án về vị trí, chức năng và tiềm năng quan trọng của Phú Quốc về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Tuy nhiên các chuyên gia phản biện cũng chỉ ra rằng, hiện trạng phát triển của Phú Quốc chưa tương xứng với tiềm năng, mặc dù đã có những cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù. Công tác triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng của Phú Quốc còn chậm, thiếu những công trình công cộng mang điểm nhấn về kiến trúc.

Các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định đã phát biểu nhiều ý kiến đồng tình với Đề án của Phú Quốc, đồng thời cũng đề nghị lãnh đạo tỉnh Kiên Giang và huyện Phú Quốc quan tâm chỉ đạo nhanh chóng khắc phục một số tiêu chí mà Phú Quốc chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp để Phú Quốc thực sự xứng đáng với danh hiệu đô thị loại II. Trong đó cần hết sức quan tâm đến công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch, sử dụng tiết kiệm đất xây dựng, chú trọng ngay từ đầu về công tác vệ sinh môi trường, chọn lựa kỹ càng các dự án đầu tư, bảo vệ các công trình di tích văn hóa - lịch sử và tài nguyên rừng, tài nguyên biển. Bên cạnh đó các chuyên gia của Hội đồng đề nghị, do vị trí xa đất liền và chỉ có một đường cáp điện ngầm đưa điện từ đất liền ra đảo, Phú Quốc cần tính đến các phương án điện đa dạng để đảm bảo an ninh năng lượng, đồng thời cần tập trung đầu tư cho các ngành công nghiệp chế biến chuyên sâu, phát triển vật liệu xây dựng tại chỗ, nâng cấp các cơ sở lưu trú, dịch vụ thương mại phục vụ khách du lịch, quan tâm ngay từ đầu công tác quy hoạch xử lý chất thải rắn, nước thải, áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến và công nghệ tái chế.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh Kiên Giang, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nghị bày tỏ cảm ơn những ý kiến đóng góp xác đáng và tâm huyết của Hội đồng thẩm định đối với Phú Quốc và tiếp thu các ý kiến đó để nghiên cứu, vận dụng trong quá trình chỉ đạo, lãnh đạo công tác quản lý đầu tư phát triển huyện đảo Phú Quốc trong những năm tới.

Theo Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nghị, được công nhận là đô thị loại II, Phú Quốc sẽ trở thành huyện đảo đầu tiên của cả nước nhận được vinh dự này. Với vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, trong những năm qua, Chính phủ, Bộ Quốc phòng và tỉnh Kiên Giang đã có sự quan tâm đặc biệt đối với Phú Quốc trong công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng, gắn với phát triển kinh tế xã hội. Phú

Quốc là đô thị có đường bờ biển dài nhất cả nước với đường bờ biển bao quanh dài 150km, có rừng nguyên sinh, nhiều sông, suối, hồ nước, được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới - là những điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển mạnh về du lịch. Từ sau khi thực hiện Quyết định số 178/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, công tác đầu tư phát triển hạ tầng trên đảo Phú Quốc đã được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, sân bay quốc tế, cảng tàu khách quốc tế có thể tiếp nhận tàu du lịch 5 sao. Tuy nhiên, trong thời gian tới, Phú Quốc cũng còn rất nhiều việc phải làm để xứng đáng là đô thị loại II. Phó Chủ tịch tỉnh Kiên Giang Nguyễn Thanh Nghị cũng bày tỏ mong muốn Kiên Giang và Phú Quốc sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành để Phú Quốc phát triển nhanh hơn và mạnh hơn nữa.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đồng tình với ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định về việc nhất trí thông qua Đề

án để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận Phú Quốc là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Kiên Giang. Bên cạnh đó, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng trao đổi với lãnh đạo tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 178/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cũng như rà soát việc thực hiện Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030. Đồng tình với việc công nhận Phú Quốc là đô thị loại II sẽ là tiền đề để Phú Quốc phát triển trở thành một đặc khu kinh tế - hành chính theo chủ trương của Bộ Chính trị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị tỉnh Kiên Giang cần quản lý hết sức chặt chẽ quỹ đất xây dựng, việc cấp phép đầu tư cho các dự án, ban hành sớm quy chế quản lý quy hoạch và quan tâm đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng phát triển đã được phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị trấn Mỹ Thọ (huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp) là đô thị loại IV

Ngày 21/8/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án Đề nghị công nhận thị trấn Mỹ Thọ (huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp) là đô thị loại IV đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự Hội nghị về phía địa phương có ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo Huyện ủy và UBND huyện Cao Lãnh. Về phía các cơ quan trung ương có đại diện các Bộ, ngành liên quan; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng; đại diện Hội, Hiệp hội chuyên ngành.

Báo cáo lý do, sự cần thiết và tóm tắt nội



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu kết luận Hội nghị

dung Đề án, Chủ tịch UBND huyện Cao Lãnh Nguyễn Hồng Sự cho biết: Thị trấn Mỹ Thọ là

cửa ngõ phía Đông Nam thành phố Cao Lãnh, đồng thời nằm ngay tại trung tâm huyện Cao Lãnh trên khu vực ngã ba giữa Quốc lộ 30 và đường Hồ Chí Minh (N2); là đô thị loại V thuộc huyện, trung tâm tổng hợp và là đô thị vệ tinh của thành phố Cao Lãnh, chia sẻ áp lực về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho thành phố tỉnh lỵ. Vị trí của thị trấn Mỹ Thọ là tâm điểm đầu nối của các tuyến giao thông bộ, là hệ thống khung kết cấu hạ tầng giao thông diện rộng kết nối với các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Đồng Tháp như thành phố Cao Lãnh, khu vực Đồng Tháp Mười. Đây là lợi thế để Mỹ Thọ thúc đẩy giao thương hàng hóa với các đô thị trong vùng huyện và các đô thị trong vùng tỉnh, các thành phố lân cận. Qua 27 năm hình thành và phát triển, đặc biệt trong giai đoạn gần đây, được sự quan tâm của TW và Chính quyền địa phương, Mỹ Thọ được tập trung đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau, diện mạo đô thị không ngừng thay đổi, với các công trình có ý nghĩa lớn như khu chợ Mỹ Thọ, khu hành chính của huyện và thị trấn, các cụm dân cư tập trung quanh khu vực chợ (Mỹ Tây), nhiều công trình phúc lợi xã hội mới - bệnh viện, trung tâm bảo trợ xã hội... đã được xây dựng, cuộc sống của người dân được cải thiện từng ngày. Một số chỉ tiêu khá ấn tượng cho thấy đời sống vật chất, tinh thần, dân trí của Mỹ Thọ được nâng cao rõ rệt: thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thị trấn năm 2013 đạt 24,84 triệu đồng/người bằng 0,74 lần so với mức bình quân chung trên cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa bàn bình quân năm 2010 – 2013 đạt mức 12,85%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn là 75%. Với tốc độ tăng trưởng trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hóa xã hội, cơ sở hạ tầng, Mỹ Thọ đã và đang là động lực thúc đẩy phát triển của huyện Cao Lãnh nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung. Về cơ bản, Mỹ Thọ đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại IV, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân

loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 đã được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-UBND.HC, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân địa phương, việc nâng loại cho thị trấn Mỹ Thọ lên đô thị loại IV là yêu cầu khách quan và cần thiết, nhằm tạo cơ sở cho việc lập quy hoạch và tập trung phát triển đô thị một cách bền vững, hiện đại, văn minh.

Báo cáo phản biện của Vụ Kiến trúc - Quy hoạch, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) cũng như các thành viên Hội đồng thẩm định đều đánh giá cao công tác lập đề án của thị trấn Mỹ Thọ. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết để UBND tỉnh và huyện có định hướng tập trung khắc phục những mặt còn hạn chế, phát huy những thành tích đã đạt được sau khi thị trấn được nâng loại: cần có chính sách chỉnh trang đô thị; phát triển không gian xanh; chú trọng cải thiện môi trường tự nhiên gắn với hệ thống nước; quan tâm đến bảo tồn thiên nhiên; đề ra cơ chế rõ ràng phòng chống ngập lụt, sạt lở. Đặc biệt, do đặc điểm của thị trấn nằm trong khu vực trũng vùng ĐBSCL, độ cao bình quân chỉ từ 0,8 đến 1,2m nên địa phương cần hết sức chú trọng các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, đề phòng triều cường, nước biển dâng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá rất cao Đề án, nhất trí công nhận thị trấn Mỹ Thọ là đô thị loại IV với số điểm trung bình 83,09 điểm. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, là tỉnh đặc thù (thuần nông) trong khu vực ĐBSCL, có tỷ lệ đô thị hóa còn thấp (22% - so với bình quân cả nước là 34%), thì định hướng tăng từ 14 lên 23 đô thị trong toàn tỉnh trong vòng 10 -15 năm nữa, đặc biệt với việc xây dựng đề án đưa Mỹ Thọ lên đô

thị loại IV là minh chứng cụ thể và đầy sức thuyết phục cho nỗ lực và ý chí của Chính quyền và người dân toàn tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh 22/49 chỉ tiêu đạt và vượt mức, vẫn còn tới 18/49 chỉ tiêu chỉ đạt trung bình và thấp, 9 chỉ tiêu chưa đạt. Do đó, để xây dựng một đô thị phát triển bền vững, môi trường sống và chất lượng cuộc sống của người dân thực sự được cải thiện sau khi nâng loại, UBND tỉnh và huyện cần chú trọng hơn nữa tới các nhiệm vụ quy hoạch đô thị, quản lý quy hoạch đô thị; cần xem xét điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp vóc dáng

và sự phát triển của Mỹ Thọ trong tương lai. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đề nghị tỉnh và huyện xác định rõ hiện trạng, đánh giá vai trò gắn kết của Mỹ Thọ với thành phố Cao Lãnh trong tương quan phát triển vùng, xây dựng được hình ảnh một đô thị sông nước đặc thù vùng ĐBSCL, đô thị cửa ngõ giáp ranh thành phố Cao Lãnh, song vẫn duy trì được nét riêng, không bị lấn át và chịu hiệu ứng đô thị hóa của thành phố Cao Lãnh

Lệ Minh

Trung Quốc thực hiện công nghiệp hóa nhà ở để phát triển bất động sản xanh

Ngành bất động sản Trung Quốc đã trải qua một thời gian dài để điều chỉnh cơ cấu, hoàn thiện các chính sách, nâng cao chất lượng sản phẩm, nhưng làn sóng bất động sản xanh thì mới được khởi xướng. Cho nên, cùng với tiến trình thúc đẩy và phát triển đô thị hóa theo hình thức mới mà Chính phủ Trung Quốc đang áp dụng, thì vị trí của bất động sản xanh sẽ càng trở nên nổi bật trên thị trường bất động sản, và hiệu quả cũng như tác dụng của nó đem lại cũng rõ ràng hơn.

Bất động sản xanh là xu hướng phát triển tất yếu

Công trình xanh là một trong những mục tiêu quan trọng của văn minh sinh thái và cũng là một khái niệm rộng trong ngành Xây dựng. Trong vòng 5 năm trở lại đây, thị trường bất động sản xanh của Trung Quốc có những chuyển biến tích cực, số lượng giao dịch tăng liên tục, tổng diện tích bất động sản xanh của năm 2012 bằng tổng diện tích bất động sản xanh của 4 năm từ 2008 đến 2011, nhưng so với tổng diện tích xây dựng dân dụng thì vẫn còn rất thấp. Ví dụ, tỉnh Giang Tô được xem là một trong những địa phương có ngành Xây dựng phát triển nhất của Trung Quốc, diện tích công trình xanh đã vượt quá con số 20 triệu m²,

chiếm ¼ tổng diện tích công trình xanh trên cả nước, tuy nhiên con số này vẫn chưa bằng 8% tỷ trọng của xây dựng dân dụng trong tỉnh.

Sự phát triển của bất động sản xanh chưa đạt yêu cầu về tốc độ. So với những năm trước đây, khi thị trường bất động sản có sự chuyển biến tích cực cả về chất và lượng, làm thay đổi cảm giác quan ngại của người tiêu dùng khi mua nhà, thì các công trình lại nảy sinh ra vấn đề “1 cao 4 thấp”, tức là tiêu hao năng lượng cao, trình độ công nghiệp hóa thấp, khoa học công nghệ thấp, sáng tạo đổi mới thấp, trình độ quản lý thấp. Chính vì thế, năm 2010 Ủy ban Môi trường, Năng lượng và Dân số Trung Quốc đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu về tình hình tiết kiệm năng lượng trong ngành Xây dựng. Và các kết quả đưa ra rất đáng báo động: chỉ tính riêng trong năm 2009, trong quá trình sản xuất vật liệu xây dựng, thi công và sử dụng thì ngành Xây dựng dân dụng đã tiêu tốn đến 49,5% tổng lượng tiêu hao năng lượng của toàn xã hội. Trong đó, hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 20%, thi công chiếm 1,5%, sử dụng chiếm 28%. Theo ước tính, để thực hiện Kế hoạch “5 năm lần thứ 12” thì con số tiêu hao năng lượng mà ngành Xây dựng phải đối mặt sẽ là 52%, trong bối cảnh tình hình khí hậu và

môi trường ở Trung Quốc đang ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến đời sống sức khỏe và sản xuất của người dân, cùng với sự biến đổi của khí hậu toàn cầu, khiến cho vấn đề tiêu hao năng lượng trở nên đặc biệt quan trọng được Chính phủ Trung Quốc đưa lên hàng đầu. Năm 2013, Quốc hội Trung Quốc ban hành văn kiện số 1 về “Chương trình hành động xây dựng xanh”, đưa bất động sản xanh trở thành Chương trình hành động Quốc gia. Sang đến năm 2014, đã có hơn 10 tỉnh, thành phố, khu tự trị áp dụng các tiêu chuẩn về công trình xanh trong xây dựng ở địa phương.

Do đó, phát triển bất động sản xanh không chỉ là yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội bền vững, mà còn là nhu cầu tất yếu để chuyển đổi ngành bất động sản theo hướng ổn định hơn.

Một số vấn đề cần chú ý khi phát triển bất động sản xanh

Bất động sản xanh không chỉ đơn giản là đề cập đến việc trồng một số loại cây xanh trong một tiểu khu nào đó, hay là vấn đề bố trí cảnh quan trong khu vực, trong công viên, mà nó còn đề cập đến việc sử dụng và xây dựng các tòa nhà có độ bền cao, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm. Phát triển bất động sản xanh, cần phải chú ý đến một số vấn đề sau:

Một là, phải xác định rõ phương hướng và mục tiêu. Phương hướng là xây dựng xã hội “tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường”; Mục tiêu là “nâng cao tuổi thọ công trình, xây dựng công trình có tính năng tốt, cacbon thấp”.

Nói về “tuổi thọ công trình” chính là nói về thời gian sử dụng của một công trình xây dựng. Hiện nay ở Trung Quốc, những công trình dân dụng thông thường có thiết kế kết cấu cho tuổi thọ 50 năm, với những công trình quan trọng thì khoảng 100 năm. Tuy nhiên, một vài năm trước đây, do sự thay đổi tính chất sử dụng đất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nên một số lượng lớn công trình xây dựng cũ đã bị phá dỡ. Theo thống kê của một số nước phát triển thì

tuổi thọ công trình thường cao hơn so với thời gian sử dụng theo tiêu chuẩn quy định của công trình.

Nói về “tính năng tốt” là nói về chất lượng sử dụng công trình, phù hợp với điều kinh tế của người dân, thân thiện với môi trường, có độ bền và tính an toàn cao. Cả nước Trung Quốc có hơn 88 triệu hộ gia đình có người già trên 65 tuổi sinh sống, chiếm hơn 20% tổng số hộ gia đình trên toàn quốc. Do đó, nếu công trình không đáp ứng những quy định và điều kiện sống cho người cao tuổi, thì rất khó để đánh giá hiệu suất công trình và đảm bảo cuộc sống an toàn cho người cao tuổi.

Nói về “cacbon thấp” chính là nói về việc giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm đất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công và sử dụng công trình, tăng cường sử dụng năng lượng mặt trời, sức gió, địa nhiệt, sinh khối và các loại năng lượng tái tạo khác.

Hai là, phải thiết lập hệ thống tư tưởng cụ thể, chính xác. Đề cao tuổi thọ công trình (nhà ở) với tiêu chí tiết kiệm năng lượng tối đa. Tuổi thọ công trình gắn đồng nghĩa với việc lãng phí tài nguyên và năng lượng. Xây dựng các chính sách và quy định về môi trường sinh thái và tiết kiệm năng lượng trong xây dựng một cách tổng hợp và có hệ thống liên quan đến quy hoạch, thiết kế, thi công, sử dụng, bảo dưỡng và phá dỡ, tái sử dụng.

Ba là, thực hiện các biện pháp kỹ thuật để nâng cao tuổi thọ công trình: cần coi trọng việc lập ra kế hoạch, quy hoạch cụ thể, thực hiện một cách nghiêm túc, tuân thủ quy định của pháp luật. Nâng cao độ bền của kết cấu công trình bằng các nguyên vật liệu mới và kỹ thuật xây dựng tiên tiến, hiện đại; thúc đẩy việc xây dựng hệ thống “Nhà ở SI” phù hợp với điều kiện trong nước; cải tạo tính năng tiết kiệm năng lượng cho những tòa nhà cũ.

Để công trình đạt hiệu quả sử dụng tốt thì phải tận dụng được tối đa công năng của công trình, đồng thời đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm

năng lượng được thể hiện rõ ràng trong thiết kế công trình, các bộ phận và sản phẩm sử dụng trong công trình phải được lắp đặt theo tiêu chuẩn hóa, hệ thống hóa, công nghệ hóa, sử dụng thông minh và an toàn, dễ dàng tháo dỡ, thay thế và sửa chữa. Thông qua việc áp dụng hệ số hình dạng của công trình để giảm diện tích cửa sổ, nâng cao tính năng cách nhiệt và giữ ấm của các loại cửa. Hạn chế sử dụng các phụ kiện trang trí nội ngoại thất và tiểu cảnh, tiết kiệm nguyên vật liệu.

Công trình đạt tiêu chuẩn cacbon thấp là công trình, dù được xây mới hay cải tạo, đều phải thực hiện nghiêm túc tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. Mặc dù hiện nay các công trình xây mới và cải tạo ở Trung Quốc đã đạt 65% tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng, nhưng so với các quốc gia phát triển khác thì vẫn còn kém xa. Ví thế, ngành Xây dựng đã chính thức đưa ra chiến dịch thí điểm “100 năm nhà ở” với 3 tiêu chí: tuổi thọ công trình theo thiết kế phải đạt 100 năm; tính năng của công trình phải đạt tiêu chuẩn 3A; công trình xanh phải đạt tiêu chuẩn 3 sao. Ngoài ra công trình phải có hệ thống tích trữ và tái chế nước mưa, hệ thống xử lý nước thải, thu gom rác thải, hệ thống sử dụng năng lượng tái sinh tuần hoàn. Ví dụ như ở thành phố Yên Đài thuộc tỉnh Sơn Đông, trong những năm qua đã thực hiện tổng cộng 15 triệu m² công trình tích hợp công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời, 4,3 triệu m² công trình sử dụng nguồn năng lượng địa nhiệt, hàng năm tiết kiệm được hàng trăm nghìn tấn than, giảm phát thải 240.000 tấn khí thải cacbon dioxide. Đây được coi là một trong những thành phố đi đầu trong cả nước về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

Công nghiệp hóa nhà ở là nền tảng cho phát triển bất động sản xanh

Dự tính đến năm 2015, diện tích bất động sản xanh tăng mới trên thị trường Trung Quốc sẽ đạt trên 1 tỷ m², với những công trình với quy mô lớn, tiêu chuẩn cao thì khẳng định phương thức xây dựng truyền thống sẽ không thể đáp

ứng được, vì thế chỉ có thể dựa vào công nghiệp hóa nhà ở để phát triển bất động sản xanh. Công nghiệp hóa nhà ở cần phải đáp ứng các mục tiêu về “tiêu chuẩn hóa thiết kế, sản xuất công nghiệp hóa sản phẩm, đồng bộ hóa thi công lắp ráp, quản lý thông tin hóa toàn bộ quá trình, hiện đại hóa chuỗi sản xuất công nghiệp”. Trong quá trình xây dựng, sử dụng, quản lý và bảo dưỡng các công trình xây dựng, những thay đổi sâu sắc của ngành công nghiệp bất động sản cũng chính là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của bất động sản xanh. Những thay đổi này sẽ cần đến những kỹ thuật mới, công nghệ xây dựng mới, nguyên liệu mới và thiết bị mới, đồng thời số lượng cũng như chất lượng vật liệu xây dựng cũng cần được đảm bảo, những nhà sản xuất vật liệu xây dựng có cơ hội và thị trường tiềm năng để phát triển. Có thể thấy, hiện nay trên thị trường vật liệu xây dựng thì vật liệu tiết kiệm năng lượng chiếm số lượng hơn 20%, thiết bị tiết kiệm nước có trên 60%, vật liệu có thể tái sử dụng chiếm trên 80%.

Hiện tại, nhiều chính quyền địa phương đã áp dụng các chính sách và cơ chế để khuyến khích công nghiệp hóa nhà ở. Thành phố Tế Nam đã đưa ra thông báo, đến cuối năm 2016, toàn thành phố sẽ nâng tỷ lệ dự án xây dựng áp dụng công nghệ xây dựng để thực hiện công nghiệp hóa nhà ở với tỷ lệ trên 30%, và đến cuối năm 2018 thì mục tiêu là trên 50%.

Nhìn chung, để phát triển xây dựng xanh thì cần có 3 điều kiện sau: Tích hợp công nghệ, thông qua việc sử dụng thành thạo kỹ thuật và công nghệ hiện đại để kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng tổng thể của công trình xây dựng; Tiêu chuẩn hóa toàn bộ quá trình thiết kế, sản xuất, thi công và sử dụng; Tập trung nghiên cứu các chính sách nhằm thúc đẩy và khuyến khích phát triển bất động sản xanh.

Lưu Chí Phong

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

Một số vấn đề về đường giao thông tại Nga

Những công dân Nga đã từng ra nước ngoài đều có chung một câu hỏi: tại sao đường giao thông của Nga lại “thê thảm” đến vậy? Mặc dù nước Nga rất rộng lớn, đất đai nhiều, đặc điểm khí hậu hầu như không khác biệt so với các quốc gia châu Âu khác như Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy và một số quốc gia Bắc Âu, song theo nhận xét của đa số - “vấn đề đường sá có sự chênh lệch rất lớn”.

Theo số liệu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, trong số 139 quốc gia được nghiên cứu về hiện trạng đường giao thông, Nga xếp thứ 125. Nước láng giềng phía bắc Nga là Phần Lan xếp thứ 13/139. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới - mỗi km đường của Nga trị giá 8.038 Euro, trong khi của Phần Lan là 7.274 Euro. Theo Chiến lược giao thông của Liên bang Nga, cho tới năm 2030, khoảng 645 nghìn km cần được sửa chữa hoặc duy tu. Còn theo thống kê gần đây của Cục Đường bộ Liên bang - gần 20% các vụ tai nạn giao thông tại Nga có liên quan tới hiện trạng đường xá.

Tình trạng kém chất lượng của đường giao thông tại Nga do một số nguyên nhân chính: hệ thống tiêu chuẩn chưa hoàn thiện; thiếu các nghiên cứu mang tính khoa học hiện đại trong lĩnh vực này; sự bảo thủ trì trệ của các đơn vị thiết kế cũng như nhà thầu; việc ứng dụng các công nghệ và vật liệu mới trong xây dựng cầu đường chưa triệt để; thiếu các cơ chế về sự hợp tác nhà nước - tư nhân; có sự “vênh” về lợi ích của bên đặt hàng, nhà thầu, doanh nhân và Nhà nước.

Thiếu tiêu chuẩn

Để có thể ứng dụng các quy trình công nghệ mới, trước hết cần thiết lập cơ sở pháp lý phù hợp cho phép ứng dụng các công nghệ này vào thực tế (sau khi hiệu quả của những công nghệ mới này được kiểm chứng thông qua các nghiên cứu khoa học dưới sự bảo trợ của Nhà nước). Các chuyên gia đang đề xuất Chính phủ

xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, trong đó Chiến lược phát triển giao thông của Liên bang Nga được định hướng: xây dựng mạng lưới đường giao thông dựa vào tổng vốn đầu tư được tăng lên (chứ không phải tối thiểu hóa).

Nhờ những sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, Luật số 44 của Liên bang ngày 05/4/2013 đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lựa chọn các đối tác hoặc tổ chức các cuộc thi, mở rộng khả năng đánh giá dịch vụ được đề xuất về mọi phương diện - thời gian, chất lượng và giá cả.

Vấn đề cơ bản của ngành cầu đường - theo ý kiến của nhiều chuyên gia - chính là các công nghệ tiên tiến trên thế giới vẫn chưa được cơ chế quản lý tổ chức của Nga tiếp thu. Chẳng hạn, hiện tại, Cục Kiểm định Quốc gia theo luật không thể đưa các công nghệ mới chưa có trong các tiêu chuẩn hiện hành vào các dự thảo của mình. Ngay cả những tiêu chí phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành cũng không thể được coi là cơ sở để đưa các công nghệ mới vào dự thảo sửa đổi. Vấn đề ở đây là không thể quy trách nhiệm cho Cục Kiểm định trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan trực tiếp - tối thiểu hóa chi phí (vì theo tính toán, các công nghệ mới sẽ khiến các dự án “đội giá”). Thiếu cơ sở tiêu chuẩn, các công nghệ mới không thể triển khai ứng dụng. Trong khi đó, quy trình nghiên cứu biên soạn các quy chuẩn và tiêu chuẩn mới đòi hỏi phải có thời gian. Một vấn đề nữa liên quan tới quy trình thử nghiệm, kiểm nghiệm trước khi ban hành một tiêu chuẩn/quy chuẩn mới. Để áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu vào điều kiện khí hậu của Nga, với các công trình sử dụng vật liệu trong nước cần phải có các khu thử nghiệm (chứ không đơn thuần là phòng thí nghiệm). Nhiều chuyên gia tin chắc rằng nếu Nga xây dựng các Viện Nghiên cứu khoa học có các bãi thử nghiệm bài bản thì rất có thể một phần đáng kể những vấn

đề liên quan tới ứng dụng và đổi mới các quy chế, hướng dẫn kỹ thuật cũng như các tiêu chuẩn quốc gia đã được giải quyết.

Tính bảo thủ của các đơn vị thiết kế và nhà thầu

Mỹ, Canada, Úc và các nước thuộc Liên minh châu Âu hiện nay là những quốc gia đang áp dụng rộng rãi các hợp đồng theo vòng đời của công trình trong xây dựng đường giao thông. Theo các điều kiện của hợp đồng này, nhà thầu có nghĩa vụ thiết kế và xây dựng / duy tu công trình đường giao thông và bảo trì bảo dưỡng trong suốt vòng đời công trình theo các yêu cầu chức năng được quy định. Mối tương quan giữa bên đặt hàng và nhà thầu trong khuôn khổ hợp đồng cho phép tính toán cụ thể không chỉ thời hạn thực hiện trực tiếp công tác thi công mà cả giá thành khai thác, chi phí sửa chữa. Nếu như cách đây không lâu, các hợp đồng nhà nước được dự tính cho thời hạn 1-2 năm, thì hiện nay thời hạn đã tăng lên đáng kể (4 - 6 năm). Việc chuyển sang hợp đồng theo vòng đời của công trình cho phép hài hòa lợi ích của cả bên đặt hàng và nhà thầu. Ví dụ: xây dựng và khai thác đường giao thông là công việc của nhà thầu; còn tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa chi phí chính là mục đích của họ. Cho tới khi việc hoàn thành các điều khoản hợp đồng chưa kết thúc do vòng đời công trình chưa chấm dứt, và toàn bộ thời gian được phân chia thành từng giai đoạn riêng biệt, nhà thầu sẽ nỗ lực tối thiểu hóa chi phí cho mỗi giai đoạn trong cả quãng thời gian đó.

Chỉ có áp dụng hợp đồng theo vòng đời công trình mới có thể tạo bước cải cách về căn bản lĩnh vực xây dựng đường giao thông.

Các nghiên cứu khoa học

Hiện nay trong lĩnh vực xây dựng, các nghiên cứu khoa học kỹ thuật đều đòi hỏi chi phí rất cao, và thông thường nguồn vốn luôn trở thành vấn đề quyết định đối với bất kỳ nghiên cứu khoa học nào.

Mới đây trên thị trường thế giới đã xuất hiện bê tông tự vá (tự liền các vết nứt). Các chuyên

gia phòng thí nghiệm xây dựng dân dụng hiện đại - trường đại học Michigan (Mỹ) đã nghiên cứu và đưa ra mẫu bê tông có độ linh hoạt rất cao này. Vật liệu mới có thể giúp tiết kiệm một lượng tiền đáng kể hiện đang phải chi trả cho công tác sửa chữa các tuyến đường ô tô cũng như các công trình hạ tầng tương ứng khác.

Để chế tạo loại bê tông này, các chuyên gia đã ứng dụng công nghệ vi sợi hiện đại (bê tông đảm bảo độ bền tối ưu đối với những tác động lớn như hiện tượng nứt vỡ thủy lực); thậm chí ở trạng thái kết cứng, bê tông vẫn duy trì được khả năng hút ẩm từ không khí, nhờ đó trong các khe nứt, bê tông mềm dẻo hơn, và bản thân khe nứt sẽ tự liền lại. Trong khi đó, các ion canxi phân bố trong khe nứt bắt đầu hút ẩm trong quá trình phản ứng với khí cacbon trong không khí. Kết quả của phản ứng là cacbonat canxi được hình thành sẽ đảm bảo quá trình gia cố của bê tông trong khe nứt.

Vấn đề sửa chữa các tuyến đường

Theo các chuyên gia, đường giao thông luôn là một trong những vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sửa chữa các công trình đường giao thông ngày càng lớn hơn. Theo thống kê, nếu tại Nga tất cả các tuyến đường bình quân được sửa 01 lần trong 70 năm, thì tại Mỹ là 01 lần trong 10 năm. 43% đường giao thông của Nga trên thực tế được sửa chữa ít hơn nếu đối chiếu với các quy định trong các tiêu chuẩn chính thức. Để phát triển mạng lưới đường giao thông tại Nga từ 900 nghìn km lên 1,2 triệu km - với tốc độ xây dựng hiện nay - cần khoảng 150 năm nữa, bởi các nguyên nhân sau: thiếu nguồn vốn kinh niên; ứng dụng nguyên vật liệu, công nghệ kỹ thuật lỗi thời; thiếu phù hợp giữa các tiêu chuẩn xây dựng với yêu cầu của thời đại... Và đây là con số thực tế mà Chính phủ Nga vừa công bố

Kinh nghiệm thế giới

Những tuyến đường quan trọng nhất của Mỹ thuộc Interstate Highways (I) và US Highways

(US). Các đường ô tô thuộc I và US đều được làm bằng bê tông, bởi vì chính trên các con đường này dòng phương tiện giao thông lớn nhất cũng như lịch trình vận tải dày đặc nhất sẽ diễn ra hàng ngày. Các nhà thiết kế Mỹ tính toán lựa chọn bê tông là vật liệu chính làm đường do các đặc tính nổi trội - cường độ, tuổi thọ, dễ thích nghi với tải trọng và sự quá tải của các phương tiện vận chuyển. Nếu như sau khi phủ nhựa at phan, đường sẵn sàng cho các dòng xe cộ sau 8 giờ đồng hồ, thì đối với lớp phủ bê tông, công tác thi công kéo dài hàng tháng. Nhưng chất lượng công trình đã chứng minh cho các lựa chọn.

Trước khi bắt tay vào công tác thi công, Cục Giao thông Liên bang đã tiến hành trưng cầu dân ý. Mỗi kiến nghị đều được nghiên cứu xem xét, và nếu người dân đúng thì thiết kế sẽ được sửa đổi. Việc trưng cầu dân ý này được tiến hành từ các giai đoạn sớm của dự án, nhằm giảm thiểu những vấn đề sửa chữa, làm lại về sau này.

Khi bắt đầu công việc, Cục Giao thông trước hết sẽ đề ra phương án cấm đường mà không gây ùn tắc. Để làm được điều này các giải pháp cách tạm thời sẽ được thiết lập, hoặc đường sẽ được chỉnh sửa về hướng hai bên vệ đường. Nhưng một nguyên tắc bất di bất dịch là trong bất cứ trường hợp nào cũng không được cấm hơn 30% năng lực lưu thông của đường.

Ngoài ra, các đạo luật tại Mỹ không cản trở mà ngược lại, khuyến khích tạo điều kiện áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới vào thực tiễn. Cơ chế lựa chọn và ứng dụng các công nghệ và biện pháp tiên tiến do Nhà nước ban hành khá đơn giản. Các hợp đồng theo vòng đời khiến các nhà thầu xây dựng đường giao thông quan tâm xây những tuyến đường chất lượng hơn, ứng dụng những công nghệ hiện đại nhất để có thể kéo dài tuổi thọ cho các con đường.

Tại Na Uy, các công nghệ mới cũng được tích cực áp dụng trong xây dựng đường giao thông. Kinh nghiệm tái thiết của thủ đô Oslo có

thể coi là bài học quý cho ngành xây dựng cầu đường của Nga. Thành phố đề ra chính sách rõ ràng nhằm thu hút các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực thiết kế và xây dựng cầu đường. Trung tâm lịch sử thành phố - quận Bayorvika - là một dẫn chứng sinh động cho công tác tái thiết đường giao thông. Các đặc điểm của đất và đất nền của miền duyên hải này (vị trí gần mạch nước ngầm, phân loại đá không đồng nhất trong đất nền) đòi hỏi một giải pháp thiết kế rất căn bản: thực hiện các bãi cọc dày đặc kết hợp các cọc xoắn bằng thép và bê tông; bãi cọc được liên kết bởi một tấm bê tông cốt thép đổ liền khối. Trong quá trình xây các tuyến đường mới cho khu vực ven biển, các chuyên gia đã ứng dụng bê tông bọt polystyrene. Đây là loại vật liệu xây dựng truyền thống của Na Uy, được sử dụng rất rộng rãi trong xây dựng cầu đường trên khắp cả nước.

Những khối xây bằng bê tông bọt polystyrene nhẹ có kích thước 2,5 x 1,2 x 0,5 m có trong nền đường của 02 tuyến đường chính của quận Bayorvika, và hình thành nên “cái gối” với các thành phần: nền đường; 2-4 lớp bọt xốp polystyrene; các tấm bê tông đổ liền khối có bề dày gần 130 mm có vai trò phân chia tải trọng; cốt liệu xốp nhẹ trộn với đất nhằm tạo lớp đất màu cho thực vật, cây trồng; lớp cốt liệu không trộn đất; lớp sỏi dăm rai; lớp phủ bê tông nhựa at phan trên cùng.

Cố vấn trưởng quốc tế của Cục đường bộ Na Uy - ông Iohan Solheim lý giải: việc lựa chọn tấm bọt xốp polystyrene xuất phát từ yêu cầu về loại vật liệu nhờ đó cường độ nén không tạo thành mức tải phụ trội lên nền đường (trong trường hợp này là lên đỉnh các cọc được liên kết bởi tấm bê tông cốt thép liền khối).

Tại Nga hiện nay, các công nghệ mới làm đường vẫn chưa được ứng dụng do còn tồn tại những bất đồng trong việc thông qua các tiêu chuẩn phù hợp.

Kết luận

Số lượng các dự án đường giao thông được thực hiện hiện nay có ứng dụng các công nghệ

và vật liệu mới, như các loại bê tông nhựa át phan mới giúp nâng cao tính chịu lực của các lớp phủ đường nhờ các phụ gia polyme; các kết cấu cầu, cầu vượt, hầm đi bộ hiện đại được làm từ kính polyme, và ứng dụng công nghệ 3D trong quá trình khảo sát tiên thiết kế... của Nga còn ít, chưa tới 50% - theo số liệu thống kê.

Hiện tại, trong lĩnh vực này, Nga chưa thể áp dụng các hợp đồng theo vòng đời công trình, bởi vẫn chưa tìm được biện pháp hài hòa lợi ích giữa bên đặt hàng và nhà thầu; dù các chuyên

gia đã nhiều lần khuyến nghị: công nghệ mới tuy có thể khiến một giai đoạn nào đó của công trình bị “đội giá”, song xét toàn bộ vòng đời công trình, hiệu quả kinh tế rất rõ ràng, nguồn vốn được tiết kiệm đáng kể.

B.Stukanova

Nguồn: Tạp chí Vật liệu, Thiết bị & Công nghệ Xây dựng thế kỷ XXI (Nga) tháng 6/2014

ND: Lê Minh

Vật liệu xây dựng bảo vệ công trình chống bức xạ điện từ

Việc bảo đảm an toàn sinh thái cho môi trường sống trước hết là an toàn sinh thái không gian bên trong nhà đặt ra sự cần thiết bảo vệ sức khoẻ con người trước sự tác động của sóng điện từ (SĐT) có nguồn gốc nhân tạo và ảnh hưởng tiêu cực lên sức khoẻ con người.

Sự tác động của SĐT lên dân cư và động vật hoang dã mang tính tất yếu và có nguyên nhân từ sự tiến bộ của kỹ thuật. Mặc dù biện pháp thoát bức xạ ở mức độ nhất định đã được áp dụng cũng như các quy định liên quan đến thời gian phát sóng cũng đã được ban hành, tuy nhiên thực trạng phát triển của kỹ thuật vẫn làm tăng xác suất tác động của SĐT lên con người.

Sự không ngừng tăng của thông SĐT có nguyên nhân từ sự tăng nhanh số lượng các trạm phát sóng truyền thanh và truyền hình, sự mở rộng mạng lưới đường dây tải điện cao thế và các nhà máy điện hạt nhân, sự tăng nhanh của số lượng thiết bị liên lạc di động, các trạm phát sóng ra đa, việc đưa vào sử dụng rộng rãi các loại thiết bị vô tuyến điện tử và các thiết bị phát ra sóng tần số siêu cao trong nhiều lĩnh vực kinh tế, kể cả từ giao thông ô tô.

Ngôi nhà của tương lai gần là nhà “thông minh”, bao gồm các khái niệm mới nhất, vật liệu, hệ thống và công nghệ mới và theo nhận thức của cộng đồng cần đáp ứng được các tiêu

chuẩn sinh thái. Điều đó áp dụng cho nhà thuộc các quy mô khác nhau và các công năng khác nhau, từ các nhà ga hàng không lớn tại sân bay, văn phòng của các tập đoàn, công ty lớn cho đến tổ hợp chung cư, biệt thự một gia đình. Điều đó nói lên rằng ngôi nhà hiện đại và nhà của tương lai cần phải bảo vệ những người sống trong các ngôi nhà đó trước sự tác động có hại của SĐT. Và việc xây dựng các công trình kể trên cần sử dụng các loại VLXD và giải pháp kết cấu nhằm giảm SĐT đến mức nhỏ nhất cần thiết trong phạm vi của công trình được bảo vệ.

Thông thường, bên trong không gian phòng cũng xuất hiện SĐT từ các nguồn phát xạ tại chỗ và lại được nhân lên bởi sự phản xạ SĐT từ bề mặt tường, sàn, trần và các vật dụng khác. SĐT bên trong phòng có thể hình thành từ các SĐT đi xuyên qua tường, cửa sổ hoặc mái nhà bằng hình thức trực tiếp hoặc phản xạ từ các bộ phận kim loại có trong vật liệu tường, cửa sổ và mái nhà. Đặc điểm của SĐT trong phòng là do sự chồng lặp nhiều lần của các trường phản xạ bên trong phòng gây giao thoa SĐT làm xuất hiện các khu vực có SĐT cường độ cao. Cường độ SĐT tại các “điểm nóng” có thể vượt quá cường độ của bức xạ tới qua đó làm tăng tính nguy hại sinh học do SĐT. Nếu sự phản xạ

nhiều lần được khắc phục thì rủi ro do xuất hiện các khu vực nêu trên sẽ giảm đáng kể.

Việc xác định các nguồn SĐT tiềm năng, các kênh thẩm thấu SĐT và điều kiện hình thành SĐT bên trong kể cả đề ra các yêu cầu đối với vật liệu và kết cấu nhằm giảm cường độ SĐT trong nhà đến mức cho phép, cần phải được tiến hành ngay từ giai đoạn thiết kế. Trong đó, cần xác định được mức giảm SĐT cần thiết kể cả phương pháp bảo vệ nhà và các loại vật liệu và kết cấu cần cho việc bảo vệ.

Cơ sở của việc bảo vệ không gian bên trong nhà là chặn các kênh truyền năng lượng SĐT vào khối không gian cần được bảo vệ; sự lan truyền SĐT có thể từ các nguồn bên ngoài hoặc từ các nguồn ở ngay bên trong không gian này. Các nhà thiết kế nhà an toàn bức xạ cần phải tính đến ít nhất là 3 yếu tố sau: Mức độ suy giảm nhiễu xạ (tại các khu vực của mặt phẳng chặn bức xạ), sự suy giảm của bức xạ đi xuyên nảy sinh từ sự lan truyền của năng lượng SĐT xuyên qua vật liệu bảo vệ kể cả ảnh hưởng của các đối tượng độc lập phản xạ SĐT và các nguồn phát sinh năng lượng SĐT độc lập (một số trường hợp có thể làm tăng mức SĐT tại vùng tối). Trong quá trình chống ảnh hưởng của SĐT ở bên trong và từ bên ngoài, ta có thể sử dụng các loại VLXD và vật liệu hoàn thiện có khả năng hoặc là phản xạ (chặn) (sau đây viết là VLPXSĐT) hoặc là hấp thụ triệt tiêu SĐT (sau đây viết là VLHTSĐT); các loại VLPXSĐT và VLHTSĐT cần phải đáp ứng được tổng thể các yêu cầu về kỹ thuật bức xạ vô tuyến, cơ học, vệ sinh, công nghệ và thẩm mỹ.

Tùy thuộc vào nhu cầu thực tế vật liệu có thể được chế tạo sao cho mang đặc tính phản xạ mạnh (VLPXSĐT, vật liệu chặn SĐT dưới dạng tấm kim loại đặc, lưới kim loại hoặc tấm được phủ kim loại) hoặc phản xạ yếu và những mang đặc tính hấp thụ mạnh (VLHTSĐT được chế tạo dưới dạng khối từ loại vật liệu có khả năng phân bố nhất định đối với các giá trị độ thẩm thấu cách điện và độ xuyên từ trường kể

cả độ dẫn điện trong toàn khối vật liệu). Chỉ tiêu quan trọng đối với VLHTSĐT là hệ số phản xạ do khả năng hấp thụ có thể được nâng cao nhờ chiều dày vật liệu hoặc thông qua đặt bề mặt phản xạ ở mặt sau của vật liệu. Trong quá trình chế tạo VLHTSĐT bằng cách lựa chọn môi trường chuyên dụng và sự phân bố các đặc tính SĐT theo chiều dày vật liệu và công nghệ chế tạo, chúng ta có thể thu được đặc tính phản xạ rất nhỏ thậm chí cho đến chỉ còn một vài phần trăm. Tính chất này của VLHTSĐT khiến loại vật liệu này trở nên rất hấp dẫn xét về mặt ứng dụng trong xây dựng nhà an toàn bức xạ bởi vì sự hấp thụ SĐT giúp giảm mức SĐT nói chung, trong khi đó việc phản xạ nhiễu xạ SĐT bằng tấm chắn lại làm nảy sinh bức tranh SĐT phức tạp cùng với việc hình thành các “vùng nóng” nguy hại hơn. Với mục tiêu giảm phản xạ, VLHTSĐT được chế tạo dưới dạng phẳng, dạng mặt phẳng có các mấu sần, dạng chóp hoặc các kết cấu tương tự, lúc đó vật liệu được gọi là VLHTSĐT.

Công tác hoàn thiện sử dụng rất nhiều loại vật liệu trang trí - hoàn thiện, trong đó có vật liệu bịt kín, gạch ốp, chất phủ mặt, vữa trát, sơn. Vật liệu kết cấu xây dựng cần phải được trộn đầy đủ cốt liệu và bảo đảm khả năng che chắn thông qua khả năng phản xạ và hấp thụ năng lượng SĐT. Với mục tiêu cải thiện các đặc tính nêu trên chúng ta có thể sử dụng các loại vật liệu như sơn dẫn điện, lưới kim loại, vải kim loại, giấy nhôm,...

Để đem lại cho VLXD truyền thống, vật liệu cách âm, cách nhiệt kể cả vật liệu trang trí - hoàn thiện các đặc tính phản xạ hoặc hấp thụ SĐT cần giải quyết vấn đề bổ sung cốt liệu dẫn điện như bột hoặc sợi kim loại, chất các bon vào thành phần của các loại vật liệu nêu trên. Trong đó, số lượng và loại cốt liệu bảo đảm đặc tính chống bức xạ được xác định tùy thuộc vào yêu cầu bảo vệ (sự cần thiết giảm mức độ xuyên SĐT đến mức quy định).

Những yêu cầu cơ bản đặt ra cho VLPXSĐT

và VLHTSĐT như sau: Vật liệu có đặc tính cách âm, cách nhiệt bảo đảm khả năng hấp thụ với mức phản xạ SĐT thấp (kể cả đối với việc hấp thụ sóng phản xạ từ các vật liệu kết cấu bên trong phòng) cần phải chứa từ 1% - 3% (theo khối lượng) cốt liệu dẫn điện dưới dạng vật liệu các bon kỹ thuật mịn (đối với thủy tinh khí) hoặc dưới dạng sợi các bon nghiền mịn (đối với bê tông tổ ong,...).

Khả năng chế tạo được các loại VLXD chống bức xạ đã được khẳng định thông qua việc ứng dụng thành công các sản phẩm có khả năng hấp thụ SĐT đã được chế tạo trước đây vào việc thi công các căn phòng có khả năng chống phản xạ SĐT; loại sản phẩm này được chế tạo trên cơ sở thủy tinh khí và bê tông tổ ong kể cả vật liệu chống bức xạ chế tạo trên cơ sở gạch silicat và bê tông kết cấu nhẹ.

Trung tâm “Chống bức xạ” (thuộc Cty “Côngxoc VEGA”) đã chế tạo thành công VLHTSĐT. Loại VLHTSĐT này có các thông số vật lý bức xạ đạt giá trị cao trong dải rộng SĐT tần số vi sóng và tần số siêu cao đồng thời lại có được các đặc tính hấp thụ âm thanh tốt, chất lượng trang trí - hoàn thiện, cách nhiệt tốt, bền vững trong không khí và chống cháy tốt. Các loại vật liệu chống bức xạ hiệu quả cao đáp ứng một cách đầy đủ hơn các yêu cầu nêu trên gồm có: Bê tông chống bức xạ, vật liệu xốp chống bức xạ (thủy tinh khí, vật liệu tổng hợp khí, bê tông tổ ong, cốt liệu chế tạo trên cơ sở vật liệu dạng xốp và rời), vật liệu ốp chống bức xạ (gạch ốp, khối xây xốp, vữa trát),... Sự kết hợp giữa độ dẫn nhiệt thấp với độ bền kết cấu cao đặc biệt là khả năng điều chỉnh có định hướng đối với các tính chất vật lý - kỹ thuật thông qua sự thay đổi mật độ trung bình và cấu trúc vĩ mô khiến loại vật liệu nêu trên trở thành loại VLXD có nhiều triển vọng hơn. Chính loại VLXD này nhờ vào đặc tính đặc biệt trong cấu trúc nên bảo đảm khả năng ít phản xạ SĐT và đây cũng là đặc tính cơ bản của VLHTSĐT. Khả năng hấp thụ SĐT của loại vật liệu nêu trên được bảo

đảm thông qua việc cho thêm vào thành phần của nó loại vật liệu nền có chứa các bon và có khả năng dẫn điện hoặc vật liệu từ tính - không dẫn điện.

Bê tông chống bức xạ

Bê tông chống bức xạ được sử dụng trong xây dựng nhà và công trình với mục tiêu giảm mức SĐT trong dải tần số siêu cao và tần số vi sóng bên trong phòng đến mức tương ứng với tiêu chuẩn vệ sinh; SĐT hình thành trong phòng từ các nguồn phát xạ bên ngoài và bên trong phòng; việc giảm mức SĐT được thực hiện thông qua việc hấp thụ triệt tiêu SĐT và cản một phần bức xạ này.

Các đặc tính làm suy giảm SĐT của loại bê tông chống bức xạ phụ thuộc vào thành phần và khối lượng cốt liệu cũng như chiều dày của lớp bê tông.

Trong quá trình sản xuất bê tông chống bức xạ, sự tăng giá thành của 1 m³ bê tông là do sử dụng phụ gia các bon siêu mịn với mức tăng bằng 15% - 50%, còn nếu sử dụng phụ gia than chì độ mịn cao thì mức tăng tương ứng là 200% - 300%. Phụ gia than chì gây nên sự tăng mạnh giá vật liệu và chỉ có thể được xem là hợp lý đối với trường hợp cần chế tạo vật liệu chuyên dụng sử dụng trong căn SĐT (các tấm chắn căn SĐT). Với mục tiêu tạo ra các đặc tính chống bức xạ cao cho các loại VLXD đang được sử dụng rộng rãi thì loại vật liệu thành phần có chứa các bon do Trung tâm “Chống bức xạ” (LB Nga) chế tạo được đánh giá là đạt hiệu quả cao xét cả về kỹ thuật cũng như kinh tế. Trong quá trình sản xuất vữa bê tông thương phẩm, vật liệu thành phần nêu trên được cho vào nước trộn hoặc sử dụng cùng với nước. Việc sản xuất bê tông chống bức xạ được thực hiện trên các trang thiết bị công nghiệp hiện có và ít thay đổi về công nghệ.

Vật liệu xốp chống bức xạ

VLXD dạng xốp được sử dụng rộng rãi trong việc bảo vệ chống SĐT; đó là thủy tinh khí, thạch cao khí, bê tông tổ ong, vật liệu tổng hợp

khí và các loại cốt liệu được chế tạo trên cơ sở cốt liệu xốp hoặc cốt liệu rời,...Đối với thủy tinh khí, chất tạo bọt khí là mỗ hóng của than bảo đảm đặc tính chống SĐT. Thạch cao khí và bê tông tổ ong khí được cho thêm sợi các bon đã được nghiền (hoặc làm rời) hoặc vật liệu hấp thụ SĐT dưới dạng dung dịch nước cũng bảo đảm khả năng chống bức xạ. Thủy tinh khí chứa bọt khí đường kính 0,5 - 3 mm do được sản xuất bằng công nghệ bọt kết hợp cho thêm mỗ hóng than vào thủy tinh nấu chảy. Tính xốp của bê tông tổ ong và thạch cao khí được hình thành từ việc sử dụng chất hoạt động bề mặt có khả năng tạo bọt khí.

Thủy tinh khí chống bức xạ

Thủy tinh khí chống bức xạ được sử dụng với mục đích sản xuất gạch hấp thụ triệt tiêu SĐT đồng thời có khả năng cách nhiệt, cách âm; loại gạch này được sản xuất với các thương hiệu "Kvarts", "Mikron", "Granat" và "Temp". Gạch được sử dụng trong thi công các gian phòng sản xuất chức năng kỹ thuật vô tuyến và bảo vệ những người làm việc chống lại ảnh hưởng có hại của SĐT trong dải tần số siêu cao và vi sóng, giảm cường độ SĐT đồng thời tạo khả năng cách âm, cách nhiệt cho tường, sàn, tường ngăn kể cả được sử dụng trong chế tạo loại vật liệu PEV mà được sử dụng trong xây dựng buồng không phản xạ, các phòng và chỗ ẩn nấp chống bức xạ có khả năng hoạt động ngoài trời liên tục trong cả năm.

Thủy tinh khí chống bức xạ là loại vật liệu vô cơ có độ xốp cao, là bọt thủy tinh ngưng kết được cho thêm cốt liệu các bon. Bọt thủy tinh được sản xuất bằng cách tạo bọt trên nhiệt độ cao đối với thủy tinh silicat nghiền, trộn với phụ gia hấp thụ bức xạ và chất tạo bọt. Sau khi được làm nguội, thủy tinh khí không chỉ rất bền vững mà còn có các đặc tính chống bức xạ tốt nhờ sự hình thành cấu trúc dẫn điện bên trong.

Với giá trị suy giảm SĐT trên tần số 4 GHz đạt không dưới 6 dB/cm, loại vật liệu này với chiều dày bằng 10 cm đã có khả năng làm giảm

SĐT đến 1.000 lần.

Thủy tinh khí chống bức xạ là loại vật liệu không cháy, bền băng giá, bền lâu, cách nước và không bị phá hỏng trước sự tác dụng về mặt sinh học và hoá học, có khả năng chống thấm nước tốt và không bám dính nước. Đặc tính bất đẳng hướng của SĐT không xuất hiện trong loại vật liệu này. Thủy tinh khí chống bức xạ được sử dụng trên công trường và trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, kể cả tại những nơi mà ngay cả các vật liệu cách nhiệt cũng không bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình sử dụng cũng như xét về mức độ bảo đảm an toàn. Thủy tinh khí được chế tạo với sự tham gia của Viện nghiên cứu khoa học VLXD quốc gia Belorusia; quy định kỹ thuật của Belorusia TU21BSSR 290-87 đã được ban hành đối với thủy tinh khí. Thủy tinh khí có thể được tổ chức sản xuất với chi phí không lớn.

Vật liệu tổng hợp khí "PENOKOM-P"

Đây là loại vật liệu bền lửa và chống bức xạ thuộc thế hệ mới được sản xuất dưới dạng các tấm chất dẻo khí an toàn sinh thái và được chế tạo theo phương pháp đồng cứng. Vật liệu được nghiên cứu và chế tạo với sự tham gia của Cty TNHH "Penokom". Các chất thành phần của vật liệu là các loại chất lỏng do ngành công nghiệp trong nước sản xuất. Vật liệu được đổ khuôn và tạo bọt khí trong điều kiện không cấp nhiệt từ bên ngoài nhằm hình thành sản phẩm có mọi kích thước và cấu hình mong muốn hoặc sản xuất tại mọi vị trí ngay trên công trường nhằm tạo ra tấm sandwich, ván khuôn không tháo dỡ, vật liệu cách cho tường và các phòng trên tầng áp mái,... Vật liệu còn có thể được sản xuất dưới dạng khối gạch, tấm và các loại cấu kiện khác với các hình dáng khác nhau.

"PENOKOM-P" giúp giải quyết được nhiều vấn đề nảy sinh trong ngành xây dựng trong lĩnh vực nghiên cứu chế tạo vật liệu bền lửa được sản xuất trên cơ sở các công nghệ mới bảo đảm an toàn sinh thái và tiết kiệm năng lượng. Sau khi cung cấp mẫu của vật liệu,

“PENOKOM” đã nhận được kết quả đánh giá thẩm định vệ sinh - dịch tễ. Mức độ suy giảm SĐT trên tần số 4 GHz đạt không dưới 25 dB/cm với chiều dày bằng 50 mm. Chiều dày của lớp vật liệu được lựa chọn tùy theo nhu cầu về mức độ suy giảm SĐT.

Trong quá trình sản xuất cấu kiện từ vật liệu tổng hợp khí “PENOKOM-P”, việc tạo bọt khí và sự đông cứng của các chất lỏng kết thúc sau 3 - 5 phút và có thể được thực hiện trên giới hạn rộng về nhiệt độ ngoài trời là từ -300 cho đến 3.000. Khối lượng riêng của vật liệu tổng hợp khí có thể được điều chỉnh trong phạm vi từ 30 đến 300 kg/m³. Việc thay đổi khối lượng riêng và nâng cao các đặc tính về độ bền vững và độ bền nước được thực hiện thông qua cho thêm phụ gia tổng hợp nhiều chức năng.

Khối gạch nhỏ xây tường chống bức xạ từ bê tông tổ ong

Khối gạch xây tường nêu trên được sản xuất theo Quy định kỹ thuật 58 3523 1-19 1635 3-109-17660092-2011 và Quy định quản lý kỹ thuật 58 3523 1-19 1635 3-109-17660092-2011 (bê tông chống bức xạ) được sử dụng cho việc giảm cường độ nền SĐT trên dải tần số vi sóng thông qua việc hấp thụ triệt tiêu SĐT và giảm SĐT đến mức theo quy định tại các tiêu chuẩn vệ sinh kể cả trong việc giải quyết vấn đề về sự hoà hợp của môi trường SĐT. Vật liệu này được sử dụng trong xây dựng hoặc ốp trát nhà và công trình nhằm bảo vệ những người và cư dân làm việc và sống trong điều kiện sự tác dụng của SĐT tăng cao.

Bê tông chống bức xạ (bê tông khí chung áp)

Vật liệu xốp nhân tạo được chế tạo bằng cách làm đông cứng hỗn hợp vật liệu xốp bao gồm vôi, cát nghiền mịn, xi măng, nước và phụ gia tạo khí và được trộn lẫn với sợi các bon nghiền. Các sợi các bon trong quá trình đảo trộn của vữa bê tông tổ ong sẽ được phân bố đều qua đó hình thành cấu trúc dạng lưới có khả năng dẫn điện trong cấu trúc bê tông. Cùng với sự tăng chiều dày của lớp vật liệu, hiệu quả làm suy giảm SĐT cũng tăng và trên tần số 4

GHz mức độ suy giảm SĐT đạt không dưới 5 dB/cm. Xét theo các thông số vật lý cơ bản, khối gạch bê tông chống bức xạ đáp ứng các yêu cầu nêu tại tiêu chuẩn quốc gia GOST 21520, điều đó cho phép sử dụng loại vật liệu này trong tất cả các trường hợp sử dụng khối gạch bê tông tổ ong tiêu chuẩn. Việc sản xuất khối gạch xây nêu trên được thực hiện trên cơ sở các trang thiết bị công nghiệp hiện có mà rất ít thay đổi về công nghệ.

Cốt liệu hấp thụ bức xạ trên cơ sở hạt thủy tinh khí “NRPS”

Cốt liệu được sản xuất theo Quy định kỹ thuật 59 1400 2-111-17660-092-2011 và là loại vật liệu xốp nhiều chức năng có khả năng cách âm, cách nhiệt và được phủ lớp vật liệu chứa cacbon. Cốt liệu được sử dụng cho việc giảm mức SĐT bằng cách tạo ra sự phản xạ nhiều lần của SĐT bên trong cấu trúc dạng xốp. Mức suy giảm SĐT trên tần số 4 GHz không dưới 6 dB/cm. Vật liệu được sử dụng làm cốt liệu cho bê tông nhẹ, cho các loại VLXD nhẹ và vữa nhẹ sử dụng trong xây dựng nhà chuyên dụng, nhà công nghiệp và dân dụng.

Vật liệu “NRPS” là vật liệu an toàn cháy, có khối lượng riêng ở dạng tươi xốp thấp (250 kg/m³) trong điều kiện độ bền cao và mang tất cả các đặc tính của thủy tinh khí. Vật liệu có thể được sử dụng như vật liệu đổ dạng rời cách âm, cách nhiệt và bổ sung chức năng chống bức xạ cho mái nhà, sàn nhà, trần ngăn, tầng áp mái, hệ thống kỹ thuật nổi và ngầm. Vật liệu được sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Cốt liệu trên cơ sở sợi cacbon dạng rời (được nghiền) “SAPSU”

Đây là loại vật liệu hấp thụ SĐT có các đặc tính như bền vững lâu dài, chịu lửa, không tham gia phản ứng hóa học, không bị phân rã và mục ruỗng. Vật liệu được sản xuất trên cơ sở sợi các bon nghiền nhãn hiệu “UGTsV-1” theo Quy định kỹ thuật 1916-001-9637987-2009 và được sử dụng cho mục đích làm giảm mức SĐT trên dải tần số cao nhờ có hệ số tắt dần của SĐT đạt giá trị cao. Vật liệu được sử dụng làm cốt

liệu có khả năng hút triệu tiêu SĐT dành cho bê tông trong xây dựng các công trình với các công năng khác nhau nhằm mục tiêu giảm giá trị của SĐT trên dải tần số siêu cao. Cốt liệu SAPSU gồm có hai loại: 1/ Hỗn hợp của asboperlit (sản xuất theo Quy định kỹ thuật 5761-02-00111283), vật liệu “Penoizol” nghiên cứu có khả năng cách nhiệt (sản xuất theo Quy định kỹ thuật 2254-001-3300-0727) và sợi cacbon nghiên cứu; 2/ Cốt liệu sản xuất trên cơ sở sợi cacbon nghiên cứu nhãn hiệu “UGTsV-1” (sản xuất theo Quy định kỹ thuật 1916-001-963-7987-2009). Giá trị suy giảm SĐT trên tần số 4 GHz đạt không dưới 6 dB/cm.

Vật liệu ốp chống bức xạ

Vật liệu tổng hợp chống bức xạ có chứa cacbon

Thành phần quan trọng đem lại cho VLXD đặc tính hấp thụ triệt tiêu SĐT là phụ gia các bon siêu mịn kết hợp với than chì siêu mịn. Trung tâm “Chống bức xạ” đã nghiên cứu chế tạo vật liệu tổng hợp có khả năng hấp thụ bức xạ vô tuyến chứa các bon trên cơ sở vật liệu các bon siêu mịn. Vật liệu nêu trên đem lại cho các loại VLXD khác nhau đặc tính hấp thụ SĐT rất hiệu quả trên tần số siêu cao và vi sóng thông qua khả năng phân tán trực tiếp SĐT bên trong lõi cứng của vật liệu (như bê tông, vữa, vữa trát,...). Vật liệu cũng phát huy tác dụng khi được phủ lên bề mặt vật liệu (dạng tấm, khối gạch, gạch ốp và gạch xếp, vật liệu đổ dạng rời cách nhiệt,...) hoặc khi được phủ lên bề mặt cốt liệu rắn để sản xuất vật liệu chống bức xạ vô tuyến (hạt thủy tinh khí, hạt chất dẻo, giấy, sợi và các dạng bề mặt khác).

Vật liệu tổng hợp hấp thụ SĐT có chứa vật liệu các bon là dạng dung dịch keo bền vững còn khi ở trong trạng thái đậm đặc thì ở dưới dạng gen (bột nhão) dễ dàng chuyển sang dạng dung dịch keo. Chất hấp thụ triệt tiêu SĐT có trong vật liệu tổng hợp là vật liệu các bon siêu mịn với kích thước hạt bằng 10 - 30 nanômét và bề mặt riêng là 160 - 180 m²/g

phân tán trong dung môi khoáng phức tạp. Bề mặt riêng của vật liệu nano các bon trong vật liệu tổng hợp cao hơn từ 30 - 60 lần so với than chì dạng keo do vậy tạo cho vật liệu khả năng hấp thụ triệt tiêu ở mức cao đối với SĐT.

Khi cho vật liệu tổng hợp vào bê tông thương phẩm, các mẫu thử với vật liệu tổng hợp có chứa các bon siêu mịn hàm lượng đến 3% khối lượng thì trên tần số SĐT là 4 GHz vật liệu có mức hấp thụ triệt tiêu SĐT là trên 7 dB/cm. Lớp phủ mặt từ vật liệu tổng hợp chiều dày 50 micrômét trên tần số nêu trên đạt khả năng hấp thụ triệt tiêu SĐT bằng 5,5 dB, còn trên tần số 17,44 GHz thì khả năng hấp thụ SĐT là 12,8 dB. Lĩnh vực ứng dụng chủ yếu của vật liệu tổng hợp là làm phụ gia - cốt liệu trong sản xuất VLXD chống bức xạ và vật liệu kết cấu chống bức xạ. Vật liệu còn được sử dụng để tạo lớp phủ mặt trong sản xuất các loại vật liệu chống bức xạ khác như tạo lớp phủ mặt cho gạch ốp hoặc khối gạch gốm xốp.

Gạch ốp xẻ rãnh chống bức xạ và khối gạch gốm xốp chống bức xạ

Gạch ốp xẻ rãnh chống bức xạ và khối gạch gốm xốp chống bức xạ được sử dụng nhằm giảm mức SĐT trong nhà và công trình đến mức phù hợp với các tiêu chuẩn vệ sinh. Hiệu quả chống bức xạ có được do phủ lớp vật liệu chống bức xạ lên bề mặt không phải là mặt trước đặc biệt là bề mặt trong của các rãnh, khe của các sản phẩm được sản xuất quy mô công nghiệp. Các đặc tính làm suy giảm SĐT phụ thuộc vào chiều dày của lớp phủ. Việc tạo lớp phủ dày 50 micrômét từ vật liệu chống bức xạ có chứa cacbon sẽ biến sản phẩm thành vật liệu chống bức xạ hiệu quả.

Vữa trát chống bức xạ

Vữa trát chống bức xạ được sử dụng cho việc giảm mức độ SĐT thông qua tác dụng cản bức xạ và được sử dụng trong xây dựng nhà và công trình và tạo ra các căn phòng có khả năng cản SĐT nhằm chống bức xạ trên các tần số siêu cao và vi sóng thông qua việc trát lớp phủ

mặt trên tường. Đặc tính làm suy giảm SĐT phụ thuộc vào nồng độ chất hấp thụ bức xạ và chiều dày lớp.

Các nghiên cứu đối với vữa trát trên cơ sở xi măng - cát cho thấy hệ số phản xạ cao do vậy không nên sử dụng vữa trát loại trên khi bên trong phòng cần có khả năng cản bức xạ nhưng lại có thêm các nguồn phát bức xạ khác. Hiện nay các nghiên cứu đang được tiến hành nhằm tìm ra loại vữa trát khác có khả năng phản xạ SĐT thấp hơn và trên cơ sở thạch cao.

Kết luận

Trên cơ sở sử dụng chất các bon có khả năng hấp thụ SĐT, các loại VLXD chuyên dụng chống bức xạ đã được chế tạo. Loại VLXD này được sử dụng cho việc giảm một cách có hiệu quả tác dụng nguy hại của SĐT lên con người trên các dải tần số siêu cao tần và vi sóng, ăng ten vệ tinh, ra đa và các nguồn SĐT khác. Sự tác dụng đó sẽ được giảm đến tương ứng với các tiêu chuẩn vệ sinh.

Các loại vật liệu nêu trên trước hết có thể được sử dụng trong xây dựng, sửa chữa và cải

tạo các cơ sở chữa bệnh, nhà trẻ, trường học kể cả trong thiết kế các phòng an toàn bức xạ. Các loại VLXD chống bức xạ được giới thiệu ở phần trên sẽ phát huy hiệu quả cao hơn trong điều kiện sử dụng cho một phần không gian riêng biệt (như nhà ở, nhà với các công năng khác,...) và bảo đảm duy trì tại phần không gian đó các điều kiện khác với môi trường xung quanh và an toàn cho cuộc sống cũng như sự lưu trú lâu dài của con người trong phần không gian tách riêng đó.

Phần lớn trong số các loại vật liệu đã được chế tạo thì ngoài chức năng chống bức xạ còn mang các đặc tính khác như hấp thụ tốt âm thanh, trang trí - hoàn thiện, cách nhiệt, bền vững trong khí quyển và chịu được lửa.

V.N. Gulbin, V.F. Koroviakov, N.S.

Kolpakov và V.V. Gorkavenko

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 5/2014

ND: Huỳnh Phước

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng làm việc với Bộ Xây dựng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng

Ngày 14/8/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã chủ trì buổi làm việc với Bộ Xây dựng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng. Tham dự buổi làm việc có Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Văn Nên; Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Đinh La Thăng; lãnh đạo một số Bộ ngành TW liên quan. Về phía Bộ Xây dựng, có Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, các Thứ trưởng và đại diện các Cục, Vụ, Thanh tra Bộ Xây dựng, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

Tại buổi làm việc, thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ sự vui mừng được đón Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đến thăm, làm việc và chỉ đạo về công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Báo cáo với Thủ tướng về một số công việc mà Bộ đã và đang triển khai thực hiện, với trọng tâm đi sâu vào công tác cải cách thủ tục hành chính, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước ngành Xây dựng do Quốc hội và Chính phủ giao, trong những năm qua - đặc biệt trong nhiệm kỳ từ 2011 tới nay - Bộ Xây dựng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế phủ kín các lĩnh vực của ngành Xây dựng. Cụ thể, Bộ Xây dựng đã tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật về Đầu tư xây dựng theo hướng tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Nghị định số 15/2013/NĐ-CP về Quản lý chất lượng công trình, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về Quản lý phát triển đô thị, đặc biệt là Luật Xây dựng 2014 đã cụ thể hóa các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

thị trường định hướng XHCN. Các văn bản Pháp luật mới ban hành đã phân định trách nhiệm cụ thể của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, phát triển nhà ở. Trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Bộ đã đề ra các cơ chế quản lý khác nhau đối với các nguồn vốn khác nhau; công tác phát triển đô thị thực hiện theo quy hoạch và có kế hoạch, nhằm tránh tình trạng quy hoạch treo, dự án treo do thiếu nguồn lực thực hiện; vai trò và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước được nâng cao trong việc kiểm soát chất lượng công trình và quản lý chi phí xây dựng công trình; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội gắn với thực hiện chiến lược nhà ở quốc gia; tăng cường quản lý phát triển vật liệu xây dựng theo các quy hoạch nhằm cân đối cung - cầu và tiết kiệm tài nguyên; thực hiện tái cơ cấu và cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ; tiếp tục rà soát và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Đặc biệt, đối với việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nêu rõ: thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính, Quyết định số

263/QĐ-TTg ngày 5/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính trọng tâm năm 2012, thời gian qua Bộ Xây dựng đã tích cực rà soát, công bố thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; đề xuất bãi bỏ một số thủ tục hành chính không cần thiết, đồng thời sửa đổi, bổ sung các thủ tục cho phù hợp yêu cầu quản lý và thực tế phát triển - nhất là các thủ tục hành chính liên quan tới đầu tư xây dựng. Quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa, công khai và minh bạch các thủ tục hành chính đã tác động khá sâu sắc đến doanh nghiệp và người dân, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư được triển khai thuận lợi, góp phần chống thất thoát, lãng phí, nâng cao chất lượng công trình cũng như hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Bên cạnh đó, công tác này giúp các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân thực hiện tốt chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan được giao thực hiện thủ tục hành chính.

Khái quát nhóm các thủ tục cấp giấy phép quy hoạch xây dựng; thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thủ tục thẩm tra thiết kế xây dựng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nêu lên một số bất cập còn tồn tại (thời gian, tiến độ, chi phí cho các dự án đầu tư), nguyên nhân (chủ yếu do sự thiếu đồng bộ giữa một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; chưa có phân định rõ về phương thức quản lý), đồng thời đề xuất với Thủ tướng các giải pháp cơ bản tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng. Trong đó, Bộ trưởng nhấn mạnh việc tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh và môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng để huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, kiểm soát chặt chẽ các nguồn lực của Nhà nước,

khắc phục tư tưởng “nhà nước hóa” cũng như “thị trường hóa” một cách cực đoan trong đầu tư xây dựng.

Đồng quan điểm và bày tỏ sự nhất trí cao với Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Lãnh đạo các Bộ ngành liên quan như Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ GTVT đều kiến nghị Chính phủ nghiên cứu hoàn thiện các thủ tục liên thông, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, đồng thời thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ngành cùng nỗ lực tháo gỡ khó khăn, xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng.

Phát biểu trong buổi làm việc, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng hoan nghênh tầm nhìn tổng quan, toàn diện và cũng rất cụ thể của Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng. Theo Thủ tướng, chỉ số về thủ tục cấp phép xây dựng của Việt Nam năm 2013 đã tăng vượt bậc so với năm 2012. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều vướng mắc vẫn cần giải quyết: thời gian cấp phép đầu tư xây dựng còn chậm, thiếu minh bạch; thủ tục rườm rà; do đó chi phí công trình cao, và hệ quả là sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, tốc độ công nghiệp hóa bị ảnh hưởng. Bên cạnh sự đồng thuận cao với những kết quả Bộ Xây dựng đạt được trong công tác cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng, Thủ tướng chỉ thị cần xoá bỏ các thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, Thủ tướng đề nghị Bộ Xây dựng lập kế hoạch hành động cụ thể, với sự phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng đối với Bộ, với các Bộ ngành liên quan và các địa phương; và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế để tiến hành cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo thông suốt mọi thông tư hướng dẫn.

Những kết quả đáng khích lệ ngành Xây

dựng đạt được thời gian qua trong lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản (đặc biệt nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà vùng ngập lũ...), trong công tác tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng, trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cũng được

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá rất cao và mong muốn Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục phát huy hơn trong những năm tới.

Lệ Minh

Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội họp bàn các giải pháp cải tạo chung cư cũ

Ngày 12/8/2014, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và đại diện các cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội đã đi kiểm tra thực tế tình trạng xuống cấp nguy hiểm của nhà chung cư C8 Giảng Võ - Hà Nội.

Theo kết quả khảo sát, kiểm định chất lượng hiện trạng nhà C8 Giảng Võ của Viện Khoa học công nghệ và kinh tế xây dựng Hà Nội vào đầu tháng 7, đơn nguyên III của chung cư C8 Giảng Võ bị lệch, lún theo cả hai phương với mức độ lớn. Đặc biệt, mức độ nghiêng lệch theo phương dọc của khối nhà bên phải cầu thang đã vượt quá giới hạn cho phép, do bị lún lệch nên các liên kết của khu vực cầu thang (dầm, sàn chiếu tới, chiếu nghỉ, sàn mái) vào các tường ngang đã bị phá hoại. Các tấm sàn mái và một số cấu kiện ở tầng 4 - 5 đã tụt khỏi gối đỡ tường ngang; những cấu kiện khác đã bị dịch chuyển và có xu hướng tụt khỏi gối đỡ nên toàn bộ khu vực cầu thang và khối nhà bên phải đang trong tình trạng rất nguy hiểm. Sự cố sập khu vực cầu thang có thể xảy ra, đặc biệt trong mùa mưa bão, do đó, cần tổ chức di dời ngay toàn bộ số dân đang ở trong đơn nguyên này. Sở Xây dựng Hà Nội đã gửi báo cáo tới UBND thành phố để xin ý kiến chỉ đạo.

Khi được Bộ trưởng hỏi về tình hình cuộc sống, một số chủ nhà sinh sống tại đây cho hay, họ không muốn di dời đi chỗ khác vì đã định cư ổn định tại khu nhà này nhiều năm, nếu di dời đi nơi khác sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt, việc học hành của con cái. Họ cũng cho rằng,



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hà Nội

nhà C8 vẫn còn khá kiên cố, không bị lún nứt, không bị thấm dột khi trời mưa. Những ý kiến, tâm tư và nguyện vọng của nhiều người dân chung cư cũ C8 Giảng Võ đã được Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao đổi với Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Thế Thảo và các sở, ngành liên quan tại cuộc họp trong chiều cùng ngày để bàn về pháp đẩy nhanh việc cải tạo chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo báo cáo của UBND thành phố, hiện trên địa bàn thành phố có khoảng 1.155 nhà chung cư cao 4- 6 tầng và 10 khu thấp tầng (1- 3 tầng). Các nhà chung cư cũ trên địa bàn TP. Hà Nội đa phần được xây dựng theo các tiểu khu nhà ở, một nhóm nhà được xây dựng từ những năm 1980 trở về trước bằng vốn ngân sách. Trong quá trình sử dụng, các hộ dân đã tự coi nói, phát triển trên diện tích đất trống, sân chung. Đến nay, đa số diện tích xây dựng cũng như dân số tại các khu chung cư cũ này đã tăng hơn 1,5 lần so với thiết kế ban đầu. Dù có hàng

nghìn nhà chung cư cũ ở mức độ nguy hiểm, nhưng thực tế gần 10 năm qua, mới có 14 chung cư cũ được xây dựng lại.

Ngay sau khi nhận thấy sự xuống cấp của các khu chung cư cũ này, UBND TP. đã chỉ đạo thực hiện một số dự án chống lún nhà chung cư cao tầng (5 tầng) như: xây ốp để gia cường độ cứng, hoàn chỉnh thành căn hộ khép kín, phá dỡ xây dựng mới. Đến nay, 165 nhà chung cư được phân loại cấp nguy hiểm (cấp C - D) cần cải tạo hoặc phá dỡ. Trong đó, có khu nhà tập thể Bộ Tư pháp; nhà C8 Giảng Võ; chung cư 51 Huỳnh Thúc Kháng thuộc nhóm nguy hiểm cấp D. Tuy nhiên, rào cản lớn nhất ảnh hưởng đến tiến độ cải tạo xây dựng lại chung cư cũ là những vướng mắc về quy hoạch kiến trúc, chính sách giải phóng mặt bằng, tái định cư, quỹ nhà tạm cư, tình hình kinh tế.

Theo Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Thế Thảo, để nhà cũ nát bị sập, chết người thì trách nhiệm sẽ thuộc lãnh đạo thành phố. Tuy nhiên, khi thành phố quyết định di dời thì người dân không thực hiện. Thậm chí, người dân không tin cơ quan kiểm định chất lượng nhà của Thành phố. Chủ tịch cũng nhấn mạnh, ngoài việc phải thay đổi chính sách, xóa bỏ những rào cản, cần phải xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước và người dân thì việc cải tạo xây dựng lại chung cư cũ mới đẩy nhanh được tiến độ.

Lý giải nguyên nhân về sự chậm trễ trong việc cải tạo chung cư cũ tại Hà Nội, tại buổi làm việc, ông Nguyễn Quốc Tuấn- Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội cho biết: Do vướng mắc lợi ích giữa ba bên là Nhà nước - doanh nghiệp - người dân. Người dân không muốn dời đi do lo ngại không có cơ hội quay về nơi cũ sinh sống, hệ số đền bù thấp, không thỏa thuận được với chủ đầu tư... nên nhất quyết không chịu dời đi. Phía doanh nghiệp thì không mặn mà do lợi ích từ việc cải tạo chung cư cũ không sinh lợi cao, không tận dụng được chiều cao không gian. Trong khi đó, Nhà nước thì lại không muốn gia tăng mật độ dân cư, thay đổi quy hoạch kiến

trúc nên không cho phép xây cao tầng. Làm sao để lợi ích ba bên được hài hòa thì tiến độ cải tạo nhà chung cư cũ mới có thể nhanh hơn được.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định: Chính sách cải tạo xây dựng lại nhà chung cư cũ chưa sát thực tiễn, chưa phù hợp với các quy định của pháp luật. Để tháo gỡ khó khăn cho chính quyền thành phố trong thực thi cải tạo chung cư cũ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng đưa ra một số giải pháp như: Trước mắt phải gia cố ngay những công trình, những bộ phận công trình không an toàn. Với những công trình mất an toàn, phải kiên quyết đưa người dân ra khỏi nhà nguy hiểm; những lo ngại của người dân vì không được tái định cư tại nơi ở cũ hay thời hạn kéo dài dự án cần phải được giải quyết để lấy lại niềm tin và thu nhận sự đồng thuận của người dân. Bộ Xây dựng sẽ có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, tuổi thọ công trình phù hợp với thực tế, đồng thời kiến nghị Chính phủ cho phép thay đổi một số cơ chế, chính sách nhằm huy động được nhiều nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực cải tạo xây dựng lại chung cư cũ trên tinh thần đảm bảo hài hòa các lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định sẽ cùng Hà Nội nghiên cứu cơ chế đầu tư nhà chung cư cũ, như Nhà nước đứng ra cải tạo nhà chung cư bằng cách thuê doanh nghiệp làm hoặc Nhà nước giao cho doanh nghiệp làm theo hình thức BT, vì hiện nay doanh nghiệp trực tiếp thỏa thuận với người dân khi cải tạo nhà rất vất vả. Đồng thời, cũng đề nghị UBND thành phố phải có biện pháp kiểm tra, giám sát thường xuyên để đảm bảo sự an toàn cho những người dân đang sống ở những chung cư cũ chưa được cải tạo xây dựng lại. Phải đặt sự an toàn cho người dân là nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất.

Bích Ngọc

Hội nghị Sơ kết công tác 06 tháng đầu năm - triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2014 của Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế

Ngày 15/8/2014, tại Bộ Xây dựng, Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2014. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang - Khối trưởng Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế chủ trì Hội nghị.

Đến dự Hội nghị còn có Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Thị Hà - Trưởng ban Thi đua khen thưởng TW và các đại biểu phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên môi trường, Thông tin Truyền thông, Công thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Theo báo cáo sơ kết, trong 06 tháng đầu năm 2014, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng TW và Ban Thi đua - Khen thưởng TW, công tác thi đua, khen thưởng Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế đã từng bước đổi mới cả về nội dung và hình thức. Các phong trào thi đua được tổ chức sâu rộng và bám sát thực tiễn, được các Bộ, ngành thuộc Khối tích cực vận động và thực hiện. Nhiều thành quả đã đạt được, thể hiện vai trò lãnh đạo và sự chỉ đạo, quan tâm sâu sát của lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền; đồng thời cũng thể hiện sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các tổ chức đoàn thể trong việc tổ chức, triển khai các phong trào thi đua tại cơ sở.

Hoạt động thi đua, khen thưởng tại các Bộ, ngành kinh tế đã dần đảm bảo tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục theo quy định; chất lượng thẩm định hồ sơ khen thưởng được nâng lên rõ rệt đảm bảo tính công khai, chính xác; Cơ quan thi đua khen thưởng của các đơn vị trong Khối dần được củng cố, kiện toàn. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt tại các đơn vị đã



Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Thị Hà - Trưởng ban Thi đua, khen thưởng TW phát biểu tại Hội nghị

được quan tâm hơn. Một số Bộ, ngành đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp; từng bước tham mưu có hiệu quả cho việc xây dựng hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng tại các Bộ, ngành phù hợp với tình hình thực tiễn.

Các chỉ tiêu hoạt động 06 tháng đầu năm đều được các Bộ, ngành kinh tế hoàn thành tốt, thậm chí là vượt mức. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề tồn tại trong công tác thi đua, khen thưởng ở một số đơn vị như: Phong trào thi đua chưa thực sự có hiệu quả; Người trực tiếp lao động sản xuất vẫn chưa được thực sự quan tâm khen thưởng; Nguồn kinh phí dành cho công tác thi đua, khen thưởng còn hạn chế; Mô hình hoạt động của Khối thi đua trong thời gian qua chưa thực sự hiệu quả.

Để khắc phục những khó khăn và hạn chế trong công tác thi đua, khen thưởng, Báo cáo cũng đã đưa ra phương hướng triển khai hoạt động 06 tháng cuối năm của Khối, nhằm đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng và đem lại hiệu quả trong các Bộ, ngành kinh tế. Một số

nhiệm vụ trọng tâm được đưa ra cụ thể gồm: Tích cực tham mưu cho lãnh đạo các Bộ, ngành trong Khối ban hành các thông tư, quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong chỉ đạo các phong trào thi đua, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả; Đổi mới toàn diện các phong trào thi đua yêu nước về nội dung, hình thức và phương pháp; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát hiện và nhân điển hình tiên tiến; Nâng cao chất lượng khen thưởng đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch và kịp thời; Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng và vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng; Nâng cao chất lượng hoạt động của Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế.

Tại Hội nghị, đại diện các Bộ, ngành kinh tế cũng đã đóng góp nhiều ý kiến để hoạt động thi đua, khen thưởng trong Khối được phát triển hơn, đem lại hiệu quả hơn. Đặc biệt là vấn đề kiện toàn và hoàn thiện các quy định về thi đua khen thưởng; Nâng cao chất lượng quản lý công tác thi đua khen thưởng bằng công nghệ thông tin; Phát triển Quỹ thi đua khen thưởng các cấp.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Trần Thị Hà đã đánh giá cao các thành tích mà Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế đạt được trong 06 tháng đầu năm 2014, đặc biệt là

những nỗ lực để đổi mới cơ chế thi đua, khen thưởng và hiệu quả đạt được trong công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị thuộc Khối. Đồng thời, bà Hà cũng đưa ra các ý kiến đóng góp để đẩy mạnh hoạt động thi đua, khen thưởng của Khối như: Các Bộ, ngành cần chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền (tuyên truyền điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, anh hùng lao động...); Tích cực rà soát lại hiệu quả của các phong trào thi đua; Khen thưởng nhiều hơn cho người lao động; Phân chia khối cụm thi đua ở các Bộ, ngành cho hợp lý để dễ dàng quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Thường xuyên học tập, trao đổi, giao lưu giữa các đơn vị trong Khối; Tăng cường đội ngũ nhân lực cho bộ máy thi đua, khen thưởng; Đẩy mạnh tính chuyên môn hóa, nâng cao năng lực và nghiệp vụ cho chuyên viên phụ trách thi đua, khen thưởng; Đẩy mạnh công tác tham mưu cho lãnh đạo.

Kết thúc Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã cảm ơn ý kiến đóng góp rất tích cực của Bà Trần Thị Hà - Trưởng ban Thi đua, khen thưởng TW, cùng ý kiến của các đại biểu tham dự Hội nghị. Thứ trưởng cũng mong muốn trong thời gian tới hoạt động của Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế sẽ tích cực hơn, đạt hiệu quả hơn, đồng thời tiếp thu ý kiến của các đại biểu để hoàn thiện quy chế hoạt động của Khối, từ đó đẩy mạnh phong trào thi đua, khen thưởng trong toàn Bộ, ngành kinh tế.

Quỳnh Anh

Hàn Quốc thúc đẩy hội nhập đô thị và nông thôn phát triển

Hàn Quốc nằm ở khu vực Đông Á, là quốc gia điển hình của các nước công nghiệp mới. Trong lịch sử của Hàn Quốc, đất nước này cũng đã từng phải trải qua chiến tranh và nghèo đói, vào những năm 50 của thế kỷ 20, Hàn Quốc vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất thế

giới. Nhưng bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ 20, kinh tế của Hàn Quốc đã bắt đầu có sự phát triển nhanh chóng. Trong chiến lược phát triển xuất khẩu, Hàn Quốc cũng gặt hái được nhiều thành quả và quan trọng hơn là “không quên” kéo ngành nông nghiệp trong nước phát triển.

Như vậy Hàn Quốc đã thực hiện được mục tiêu thúc đẩy ngành công nghiệp và nông nghiệp phát triển hài hòa. Ngoài ra còn thành công trong việc hội nhập đô thị và nông thôn.

I. Hàn Quốc thúc đẩy thực hiện hội nhập phát triển đô thị và nông thôn

1. Hàn Quốc triển khai kế hoạch “doanh nghiệp cho người nông dân”

Trong khoảng thời gian từ năm 1960 - 1970, ngành công nghiệp hóa của các đô thị trên cả nước đang trên đà phát triển, sự cạnh tranh trong đô thị và giữa các đô thị với nhau ngày càng quyết liệt, các đô thị đã phải mở rộng mục tiêu phát triển của mình ra cả khu vực nông thôn. Năm 1961, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu có định hướng phát triển xuất khẩu và đồng thời bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong giai đoạn này, mặt hàng mà Hàn Quốc chọn xuất khẩu là sản phẩm giày dép, dệt may, quần áo và các sản phẩm công nghiệp nhẹ khác, trong khi khu vực nông thôn lại hiếm khi sản xuất những mặt hàng này. Năm 1967, để từng bước mở rộng việc cung cấp các sản phẩm xuất khẩu, đồng thời cũng là để thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển, Chính phủ Hàn Quốc đề xuất kế hoạch “doanh nghiệp cho người nông dân”. Ngân sách và tài chính để hỗ trợ thực hiện kế hoạch này sẽ do chính quyền địa phương đảm nhận, khoảng 10 hộ gia đình sẽ liên kết lại với nhau, hình thành một doanh nghiệp gia đình, doanh nghiệp này chủ yếu là sản xuất những sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công mỹ nghệ... Sau mấy năm thực hiện kế hoạch “doanh nghiệp cho người nông dân” mà Chính phủ phát động, do doanh nghiệp có quy mô nhỏ, phát triển chậm, đồng thời, các công nghệ sản xuất ở vùng nông thôn Hàn Quốc lạc hậu, hạ tầng cơ sở yếu kém, nên hiệu quả phát triển kế hoạch không như mong đợi, thời gian không lâu sau đó kế hoạch này đã tạm hoãn lại.

2. Thực hiện kế hoạch “Nhà máy trong thôn”

Năm 1970, công nghiệp tại các đô thị của Hàn Quốc vẫn không ngừng phát triển, nhưng để so sánh với việc mở rộng phát triển kinh tế khu vực nông thôn, trong thời gian này, bắt đầu xuất hiện vấn đề về cấu trúc kép trong kinh tế xã hội của Hàn Quốc, khoảng cách giữa đô thị và nông thôn bắt đầu xa dần. Trước bối cảnh này, Chính phủ Hàn Quốc chính thức phát động phong trào “Vận động nông thôn mới”. Tiến trình thực hiện “Vận động nông thôn mới” được chia làm 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu chủ yếu là thúc đẩy việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như: điều kiện nhà ở, cầu đường... Giai đoạn giữa chủ yếu là thúc đẩy hiện đại hóa ngành nông nghiệp, mở rộng kỹ thuật trồng lúa nước năng suất cao, từ đó nâng cao thu nhập cho người dân. Giai đoạn cuối chủ yếu là ngành gia công sản phẩm nông nghiệp. “Nhà máy trong thôn” là một phần quan trọng của phong trào “Vận động nông thôn mới” với mục tiêu là tập trung mở rộng xây dựng các loại nhà máy tại khu vực nông thôn. Trong quá trình này, chính quyền các địa phương sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng ở nông thôn. Đồng thời, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu dồn sức phát triển các ngành công nghiệp lao động tập trung và công nghệ cao. Những ngành công nghiệp này đã thu hút một lượng lớn nguồn lao động dư thừa tại vùng nông thôn. Trong nhiều năm thực hiện kế hoạch “Nhà máy trong thôn”, đã giúp ngành nông nghiệp của Hàn Quốc từ thay đổi về lượng chuyển sang thay đổi về chất.

3. Thúc đẩy kế hoạch “Khu công nghiệp nông thôn”

Sau gần 10 năm thực hiện kế hoạch “Vận động nông thôn mới”, Chính phủ Hàn Quốc đã kịp thời tiến hành tổng kết và tự kiểm điểm, đồng thời, cũng tiến hành sửa đổi con đường phát triển công nghiệp hóa ngành nông thôn. Năm 1983, Chính phủ Hàn Quốc chính thức đưa ra kế hoạch “Khu công nghiệp nông thôn”. Giai đoạn đầu kế hoạch “Khu công nghiệp nông thôn” có điểm khác hơn so với kế hoạch

“Nhà máy trong thôn”, trong kế hoạch này sẽ lựa chọn những khu vực nông thôn có diện tích nhỏ để phát triển. Thông thường sẽ lựa chọn những quận, thành ít dân cư, khu công nghiệp phải có diện tích khoảng 10ha, có thể tập trung 20 doanh nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho khoảng 3.000 người. Trong các khu công nghiệp nông thôn, chủ yếu là phát triển các ngành công nghiệp lao động tập trung. Ngoài việc gia tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, Chính phủ còn tăng cường trong lĩnh vực đầu tư và kỹ thuật, khuyến khích khu công nghiệp nông thôn hướng đến phát triển các ngành công nghiệp đặc biệt và đổi mới ngành công nghiệp.

4. Đổi mới và phát triển triển ngành công nghiệp hóa

Sau năm 1970 của thế kỷ 20, Chính phủ Hàn Quốc tăng cường tập trung vào xây dựng và phát triển các thị trấn nhỏ. Việc làm này đã cải thiện đáng kể môi trường và điều kiện sống cho người dân nông thôn, đồng thời tăng cường giáo dục phổ cập cho người dân. Ngoài ra, Chính phủ còn không ngừng thúc đẩy xây dựng thông tin hóa nông thôn, đầu tư xây dựng rất nhiều cơ sở dịch vụ thông tin, cung cấp một lượng lớn thông tin về công nghệ, quản lý, thị trường... cho các doanh nghiệp ở khu công nghiệp nông thôn. Sau năm 1980, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu thay đổi và điều chỉnh cơ cấu cho các khu công nghiệp nằm trong khu vực nông thôn, tiến hành cải tạo cơ giới hóa, khuyến khích sự ra đời và phát triển của ngành công nghiệp mới. Từ năm 1990 của thế kỷ XX, Chính phủ bắt đầu khuyến khích khu vực nông thôn phát triển ngành công nghiệp thứ 3 (Người ta phân ngành công nghiệp ra thành 3 loại: ngành công nghiệp thứ nhất là Nông nghiệp; ngành công nghiệp thứ 2 là công nghiệp; ngành công nghiệp thứ 3, ngoài việc bao gồm 2 ngành công nghiệp thứ 1 và thứ 2, còn bao gồm ngành giao thông vận tải, dịch vụ viễn thông, cung ứng vật tư, dịch vụ đời sống và sản xuất...) và nâng

cao đáng kể mức độ phúc lợi cho người dân. Sau khi bước vào thế kỷ mới, Chính phủ Hàn Quốc xác định phương thức mới để đưa vùng nông thôn tiếp cận với con đường công nghiệp hóa. Chính phủ chủ yếu hướng dẫn và khuyến khích khu vực nông thôn phát triển ngành nông nghiệp hiện đại có hàm lượng khoa học công nghệ cao, đồng thời tích cực triển khai các dịch vụ hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp lớn trong đô thị hỗ trợ khu vực nông thôn, lựa chọn một số dự án trên thị trường để cùng xây dựng, thông qua những doanh nghiệp tiên tiến sẽ thúc đẩy nông thôn phát triển. Từ đó, hình thành mối quan hệ hợp tác công- nông cùng có lợi, sự thành công này đã thúc đẩy tiến trình hợp nhất đô thị và nông thôn Hàn Quốc phát triển.

II. Đặc điểm thực tiễn của tiến trình hội nhập đô thị và phát triển nông thôn tại Hàn Quốc

1. Thực hiện hội nhập đô thị và nông thôn trong thời gian ngắn

Năm 1950 của thế kỷ XX, sau khi chiến tranh Triều - Hàn kết thúc, Hàn Quốc là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới. Kinh tế xã hội thể hiện rõ đặc trưng cấu trúc kép, khoảng cách thu nhập của người dân đô thị và nông thôn ngày càng lớn, nông nghiệp phát triển tương đối lạc hậu. Từ đầu những năm 1960, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu thay đổi tư tưởng phát triển, xác định lại phương hướng phát triển kinh tế xã hội, bắt đầu thực hiện chiến lược định hướng phát triển xuất khẩu. Trải qua nhiều thập kỷ nỗ lực không ngừng, Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu kinh tế lớn. Năm 1960, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc chưa tới 80 USD, đến năm 1995, GDP bình quân đầu người là 10.841 USD, năm 2013 đạt 25.051 USD. Hàn Quốc đã chuyển đổi từ một nước nhỏ có ngành nông nghiệp truyền thống trở thành một nước công nghiệp mới và được liệt vào hàng ngũ các quốc gia phát triển. Đã nhanh chóng thực hiện hiện đại hóa ngành nông nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ hội nhập và

phát triển đô thị và nông thôn, đã thực hiện được mục tiêu đưa kinh tế đô thị - nông thôn phát triển bền vững và hài hòa với nhau.

2. Duy trì lâu dài sự phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn

Trong thời kỳ đầu phát triển, nhân khẩu nông nghiệp Hàn Quốc so với tổng nhân khẩu cả nước chiếm tỉ lệ cao, khu vực nông thôn được phân bố rộng rãi. Trong quá trình công nghiệp hóa, một lượng lớn nguồn lực lao động dư thừa ở vùng nông thôn đã đổ về đô thị, tỷ lệ ngành nông nghiệp trong tổng lượng kinh tế quốc dân ngày càng giảm, tiến trình đô thị hóa tiếp tục thúc đẩy. Năm 1960, tỷ lệ đô thị hóa của Hàn Quốc chỉ đạt 28%, đến năm 2013, tỷ lệ đô thị hóa được nâng lên 91%. So với quá trình phát triển công nghiệp hóa của các quốc gia phát triển, mức độ thu nhập của người dân đô thị và nông thôn Hàn Quốc từ rất sớm đã duy trì được sự cân bằng cơ bản. Thậm chí, những năm 90 của thế kỷ XX, mức thu nhập của người dân ở một số vùng nông thôn của Hàn Quốc còn cao hơn cả người dân đô thị. Do là quốc gia đất chật người đông, Hàn Quốc đã chọn ra những biện pháp hiệu quả để giải quyết tình trạng này như xây dựng một hệ thống sản xuất nông nghiệp tương đối phát triển, giúp đổi mới những vùng nông thôn lạc hậu, thực hiện hiện đại hóa ngành nông nghiệp và đạt được những thành tựu phát triển.

3. Lựa chọn mô hình phát triển kinh tế chủ đạo của Chính phủ

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, Hàn Quốc đã xây dựng hệ thống quyền lực chính trị của nhà nước, sau đó, đến những năm 80 - 90, Hàn Quốc đã trải qua một quá trình cải cách dân chủ. Tuy nhiên, mô hình phát triển kinh tế chủ đạo của Chính phủ Hàn Quốc không thay đổi, những kế hoạch và các chương trình phát triển mà Chính phủ đã lập ra, luôn là phương hướng phát triển kinh tế của Hàn Quốc. So với hệ thống tư bản chủ nghĩa của các gia phát triển, ngay từ đầu Hàn Quốc đã lựa chọn

theo con đường khác. Có thể thấy, trong quá trình Hàn Quốc thực hiện hiện đại hóa ngành nông nghiệp, thúc đẩy hội nhập phát triển đô thị và nông thôn, mô hình phát triển kinh tế chủ đạo của Chính phủ đã phát huy được vai trò quan trọng.

III. Những kinh nghiệm quan trọng trong quá trình hội nhập đô thị và nông thôn của Hàn Quốc

1. Duy trì phát triển hài hòa giữa ngành công nghiệp và nông nghiệp

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, Chính phủ Hàn Quốc lựa chọn chiến lược xuất khẩu làm định hướng phát triển, tập trung phát triển ngành công nghiệp và cố gắng tạo một nền móng công nghiệp vững chắc và trong một thời gian ngắn đã đạt được thành tựu lớn. GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc từ 286 USD vào năm 1971 đã tăng lên 1.598 USD vào năm 1980, trong khi, tỷ trọng giá trị nông nghiệp trong GDP cũng từ 27,1% vào năm 1970 giảm xuống còn 15% vào năm 1980. Trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, cụ thể là cuối năm 1960 của thế kỷ trước, khi mà khoảng cách giữa đô thị và nông thôn, khoảng cách giữa nông nghiệp và công nghiệp đang có xu hướng cách xa nhau, Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai kế hoạch “Vận động nông thôn mới” trên quy mô lớn. Việc làm này đã thay đổi toàn diện và phát triển khu vực nông thôn. Tiến trình thực hiện hiện đại hóa ngành nông nghiệp Hàn Quốc cũng diễn ra đồng thời với tiến trình thúc đẩy công nghiệp hóa và đô thị hóa trong nước, chứ không phải đợi đến khi đạt hiệu quả công nghiệp hóa mới phát triển ngành nông nghiệp.

2. Nền móng công nghiệp vững mạnh giúp phát triển kinh tế

Ngành công nghiệp và nông nghiệp là một phần quan trọng để phát triển kinh tế quốc dân, nhưng một đất nước có ngành nông nghiệp vốn yếu kém thì sẽ xác định được vị trí cơ bản ngành công nghiệp của nó, biểu hiện ở chỗ, cùng với tiến trình thúc đẩy công nghiệp hóa, tỷ

trọng giá trị nông nghiệp trong GDP sẽ giảm xuống rõ rệt, cùng với sự phát triển kinh tế, một lượng lớn nhân khẩu nông nghiệp sẽ đổ về đô thị. Do đó, có được nền móng công nghiệp vững chắc là vô cùng quan trọng để thực hiện hiện đại hóa ngành nông nghiệp, trường hợp phát triển công nghiệp và nông nghiệp của Hàn Quốc là một thí dụ điển hình. Phát triển ngành công nghiệp và phi nông nghiệp, một mặt sẽ là cơ hội tốt để giải quyết việc làm cho lượng lớn nguồn lực lao động dư thừa, mặt khác, ngành công nghiệp phát triển sẽ cung cấp rất nhiều dữ liệu phục vụ cho sản xuất, hỗ trợ cho ngành nông nghiệp phát triển lên một tầm cao hơn.

3. Tích cực thực hiện các chính sách nông nghiệp để nuôi dưỡng ngành công nghiệp

Qua kinh nghiệm phát triển ngành nông nghiệp của Hàn Quốc có thể thấy, nếu không có các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, ngành nông nghiệp Hàn Quốc không thể trong một thời gian ngắn đạt được những tiến bộ lớn như vậy. Trong quá trình hội nhập phát triển đô thị và nông thôn của Hàn Quốc, không phải mọi thứ đều diễn ra trơn tru. Trên thực tế, giống như nhiều nước khác, thời kỳ đầu công nghiệp hóa,

để nhanh chóng phát triển công nghiệp, Hàn Quốc cũng thực hiện các chính sách loại bỏ đối với ngành nông nghiệp. Việc làm này đã khiến cho ngành nông nghiệp bị lạc hậu và suy thoái. Nhưng sau đó, Chính phủ Hàn Quốc nhanh chóng nhận ra vấn đề nghiêm trọng và kịp thời đưa ra các chính sách điều chỉnh có liên quan vào giữa những năm 60 của thế kỷ trước. Nhiều chính sách nuôi dưỡng ngành nông nghiệp đã giúp cho ngành công nghiệp và nông nghiệp phát triển hài hòa, cuối cùng là thực hiện hội nhập phát triển đô thị và nông thôn. Tất nhiên, trong thực tế, cũng phát sinh hành vi bảo hộ quá mức của Chính phủ Hàn Quốc đối với ngành nông nghiệp, dẫn đến giá các sản phẩm nông nghiệp tại Hàn Quốc cao hơn so với giá thị trường quốc tế, từ đó, khiến cho sản phẩm nông nghiệp của Hàn Quốc mất khả năng cạnh tranh. Đây là bài học đắt giá mà các nước khác cần tránh vấp phải trong quá trình phát triển của mình.

Trương Hậu Minh

Nguồn: <http://newsccn.com>

ND: Bích Ngọc

Trung Quốc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Xây dựng trong tương lai

Nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định năng lực cạnh tranh của mọi ngành nghề, doanh nghiệp. Cũng như các ngành nghề khác, ngành Xây dựng đang ngày càng thiếu hụt lực lượng công nhân lành nghề, có năng lực dù rằng Ngành đang phát triển với tốc độ chóng mặt. Chính vì thế, ngành Xây dựng Trung Quốc đang nỗ lực để bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành. Đây là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà ngành Xây dựng đặt ra trong hiện tại và tương lai.

Ngành Xây dựng tập trung đào tạo nhân lực có tay nghề cao, kỹ năng giỏi

Ngành xây dựng là một ngành công nghiệp trụ cột quan trọng của nền kinh tế Trung Quốc. Hiện nay, ngành Xây dựng đã thực hiện nhiều cải cách sâu rộng, thúc đẩy nhiều phương thức đổi mới. Để duy trì sự phát triển bền vững của Ngành không chỉ đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật chuyên nghiệp phải đạt đến một trình độ nhất định, mà việc quản lý và phát triển đội ngũ công nhân viên cũng cần được chú trọng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng cho những cá nhân xuất sắc, công nhân có tay nghề cao. Tăng cường xây dựng các cơ sở đào tạo nghề cho

ngành, đảm bảo chất lượng nhân lực đồng nghĩa với chất lượng công trình được đảm bảo, sản xuất an toàn, hiệu quả. Đây là những nhiệm vụ mang tính chiến lược và lâu dài của toàn Ngành.

Bộ Nhà ở, Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc đã đưa ra bản thông báo “Ý kiến về việc thúc đẩy cải cách và phát triển ngành Xây dựng”. Trong đó nêu rõ mục tiêu và mục đích phát triển ngành Xây dựng trong tương lai, yêu cầu toàn ngành thực hiện đa dạng hóa, xây dựng hệ thống việc làm ổn định, bồi dưỡng nhân lực và nâng cao cơ chế tiền lương, thưởng, kết hợp với công nghiệp hóa Ngành; Bổ sung, sửa đổi các chính sách về quyền và lợi ích hợp pháp của lao động; Chú trọng bồi dưỡng và tích cực giao lưu hợp tác, trao đổi kiến thức, bồi dưỡng cán bộ với các nước tiên tiến và trong khu vực, để bổ sung nhân lực có năng lực cho các cơ quan thuộc Bộ, hiệp hội, doanh nghiệp trong ngành xây dựng; Đảm bảo nhân lực cho ngành Xây dựng, để góp phần thúc đẩy ngành Xây dựng phát triển ổn định, lâu dài và bền vững.

Phó chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp Xây dựng Trung Quốc - Ngô Tần Thuyết trong buổi phỏng vấn với báo chí gần đây cũng cho biết, hàng năm Hiệp hội phối hợp với Bộ Nhà ở, Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc tổ chức cuộc thi “Tay nghề giỏi toàn quốc” trong ngành Xây dựng, nhằm tìm kiếm những nhân tài có năng lực, kỹ năng tốt để đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời đây cũng là một trong những hoạt động thường niên nhằm nâng cao chất lượng tổng thể toàn Ngành, xúc tiến và hỗ trợ giao lưu kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp xây dựng trên cả nước. Hiệp hội có vai trò nhất định trong việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Xây dựng. Bên cạnh đó, Hiệp hội cũng nỗ lực để cung cấp cho các đơn vị, doanh nghiệp những khóa học đào tạo nghề và dạy nghề một cách có hệ thống, chất lượng với đội ngũ giảng viên, kỹ sư lâu năm, chuyên

ngiệp và lành nghề, đảm bảo mỗi công nhân sau khi hoàn thành khóa học tại Hiệp hội sẽ trở thành một trong những lực lượng nòng cốt trong dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Xây dựng trong tương lai

Cùng với sự phát triển ngày càng nhanh chóng của ngành Xây dựng trong nước, Chính phủ Trung Quốc thời gian qua đã ban hành nhiều chính sách và biện pháp để điều tiết, quản lý và kiểm soát cũng như thúc đẩy sự phát triển bền vững của Ngành. Bên cạnh các chính sách phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển văn minh sinh thái, đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới... thì vấn đề phát triển nguồn nhân lực để tạo thế mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ngành Xây dựng trong nước so với các nước trên thế giới và khu vực cũng được đặc biệt quan tâm. Đặc biệt trong bối cảnh Trung Quốc thúc đẩy quá trình đô thị hóa theo hình thức mới, lực lượng lao động nông thôn lên thành phố làm việc ngày càng lớn, việc chuyển đổi lao động tác động lớn đến không chỉ đời sống xã hội, mà còn ảnh hưởng đến chất lượng lao động trong các ngành nghề nói chung.

Ngành Xây dựng là ngành sử dụng lao động thời vụ với số lượng lớn nhất. Để phục vụ cho các công trường xây dựng, các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, những dự án lớn với lượng công nhân lên tới hàng nghìn người, khiến cho việc quản lý lao động và chất lượng lao động không được đảm bảo. Chính vì thế, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc của công nhân lao động là rất cần thiết. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần phải có các chính sách khuyến khích lao động bằng lương, thưởng hàng quý, hàng năm, tạo điều kiện sinh hoạt tốt cho công nhân lao động, hệ thống hóa quy trình quản lý lao động từ hồ sơ đến chế độ tiền lương, và đưa ra các yêu cầu bắt buộc khi tham gia sản xuất.

Theo báo cáo của Bộ Nhà ở, Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, trong 6 tháng đầu

năm, tỷ lệ sự cố lao động giảm 30% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ lệ doanh nghiệp trong nước trúng thầu xây dựng tăng 20% trong 6 tháng đầu năm 2014. Các doanh nghiệp xây dựng nước ngoài khi trúng thầu tại thị trường Trung Quốc phần lớn vẫn lựa chọn thầu phụ thi công, xây lắp là các doanh nghiệp trong nước, lý do vì giá nhân công rẻ, trình độ và năng lực phù hợp với điều kiện thực tế, hơn nữa không cần mất phí quản lý lao động.

Các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc khi tham gia thầu, để nâng cao năng lực cạnh tranh, rất chú trọng đến uy tín của doanh nghiệp, và uy tín đó được xây dựng trên cơ sở chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa trong doanh nghiệp, khẳng định vị trí và chất lượng bằng sản phẩm tốt, nhân lực giỏi.

Phát triển phong trào sáng tạo trong sản xuất

Tuy việc sử dụng hệ thống máy móc, kỹ thuật hiện đại là để thay thế sức lao động cho con người, đồng thời cũng tăng năng suất và hiệu quả lao động. Nhưng con người cũng cần phải không ngừng sáng tạo và sáng chế ra các thiết bị mới, kỹ thuật mới, vật liệu mới để phù hợp với điều kiện và tốc độ phát triển của xã hội. Ngành Xây dựng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển phong trào sáng tạo trong công

nhân viên toàn ngành, đặc biệt là trong lao động sản xuất. Khuyến khích những công nhân có tay nghề cao, có kỹ thuật sáng tạo ra các kỹ thuật xây dựng mới tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế rủi ro trong thi công xây dựng; Khuyến khích kỹ sư sáng chế ra các thiết bị, vật liệu mới để tiết kiệm năng lượng, phát triển xây dựng xanh, thấp cacbon.

Khoảng chục năm trở lại đây, các hoạt động thi đua sản xuất, phong trào sáng tạo được đẩy mạnh và liên tục phát triển, khiến cho ngành Xây dựng trong nước có những bước tiến vượt bậc, cả về chất lượng lẫn số lượng. Nhiều sáng chế được công nhận, nhiều vật liệu mới được đưa vào áp dụng, và trở thành những sản phẩm xuất khẩu uy tín trên thế giới, có tính cạnh tranh cao trên thị trường vật liệu xây dựng thế giới.

Với mục tiêu đưa ngành công nghiệp xây dựng trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn và chủ chốt trong nền kinh tế quốc dân, Chính phủ Trung Quốc đã và đang nỗ lực đưa ra và thực thi các chính sách phát triển ngành Xây dựng sâu rộng, lâu dài, bền vững.

Lưu Kiệt

Theo: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

Trung Quốc triển khai kế hoạch phát triển năng lượng sinh khối

Năng lượng sinh khối chiếm 14% trong tiêu hao năng lượng sơ cấp của thế giới, là loại năng lượng đứng thứ 4 sau các loại năng lượng hóa thạch chủ đạo là than, dầu mỏ và khí thiên nhiên. Hiện tại, việc sử dụng năng lượng trong sinh hoạt của người dân các nước đang phát triển chủ yếu thông qua phương thức truyền thống là đốt trực tiếp, tỷ lệ tận dụng năng lượng thấp, lãng phí tài nguyên nghiêm trọng. Trung Quốc là một nước nông nghiệp lớn, tài nguyên

sinh khối phong phú. Dưới sự hỗ trợ mạnh mẽ và sự đẩy mạnh các chính sách có liên quan của Chính phủ, ngành năng lượng sinh khối đã có được sự phát triển khá tốt. Tuy nhiên, việc nghiên cứu phát triển kỹ thuật và tỷ lệ tận dụng tài nguyên vẫn còn một không gian phát triển rất lớn.

Ngành chế tạo sinh khối thành nhiên liệu tại Trung Quốc bắt đầu khá muộn vào những năm 1980 của thế kỷ trước. Những năm gần đây, kỹ

thuật chế tạo sinh khối thành nhiên liệu đã có được những tiến triển rõ rệt, việc sản xuất và ứng dụng cũng đã bước đầu hình thành quy mô nhất định. Năm 2009, có trên 260 xưởng sản xuất nhiên liệu sinh khối tại Trung Quốc, trong đó năng lực sản xuất ép khối nhiên liệu khoảng 466 nghìn tấn/năm. Năm 2011, có trên 680 xưởng sản xuất nhiên liệu sinh khối tại Trung Quốc, trong đó năng lực sản xuất nhiên liệu ép khối là khoảng 1,5 triệu tấn/năm, chủ yếu sử dụng cho việc nấu nướng, sưởi ấm của người dân nông thôn và các nồi hơi công nghiệp

Ngoài những ưu thế về mặt tài nguyên, việc phát triển năng lượng sinh khối tại Trung Quốc cũng có những ưu thế về mặt địa lý. Các tài nguyên như năng lượng gió, năng lượng mặt trời... tập trung phân bố tại phía Tây Bắc và cao nguyên Thanh Hải- Tây Tạng, còn năng lượng sinh khối chủ yếu tập trung ở phía Đông và phía Nam - nơi có nhu cầu năng lượng khá lớn. Do tài nguyên sinh khối gắn với địa điểm cư trú của người dân, năng lượng sinh khối có thể tránh được các vấn đề như tổn thất khi vận chuyển đường dài.

Đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ và ưu đãi về thuế

Những năm gần đây, để đẩy mạnh việc tận dụng tổng hợp nguồn tài nguyên sinh khối, đẩy nhanh phát triển nguồn năng lượng sinh khối, Trung Quốc đã sử dụng các biện pháp hỗ trợ về mặt chính sách, ưu đãi về thuế. Các quy định pháp luật và chính sách có liên quan như “Luật Năng lượng tái tạo”, “Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 phát triển năng lượng tái tạo”, “Biện pháp tạm thời trong quản lý ngân sách hỗ trợ tận dụng năng lượng hóa rơm rạ”... đã mô tả một bản kế hoạch lớn trong việc tận dụng tổng hợp nguồn sinh khối. Các ngành cũng đã gửi gắm hy vọng vào việc tận dụng nguồn năng lượng sinh khối.

Tính đa dạng của nguồn nguyên liệu năng lượng sinh khối và tính thay thế toàn diện của năng lượng sinh khối đối với nguồn năng lượng

hóa thạch truyền thống đã khiến nó trở nên quan trọng. Nguyên vật liệu của năng lượng sinh khối gồm động vật, thực vật, chất thải hữu cơ, rơm rạ, phân chăn nuôi..., có thể tồn tại dưới dạng thể rắn, thể lỏng và thể khí, có thể thay thế hoàn toàn cho nguồn năng lượng hóa thạch như than, dầu mỏ, khí thiên nhiên... Ngoài ra, các nguyên liệu sản xuất năng lượng sinh khối đa phần có tại nông thôn do đó việc khai thác năng lượng sinh khối có thể giúp người nông dân hưởng lợi, thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển. Việc phát triển nguồn năng lượng sinh khối tại Trung Quốc cũng có liên quan mật thiết với các nội dung “thống nhất quan hệ đô thị và nông thôn”, “chú trọng phát triển dân sinh”... mà Kế hoạch 5 năm lần thứ XII đã đề ra.

Tăng cường nghiên cứu kỹ thuật, đẩy mạnh xây dựng các công trình kiểu mẫu

Hiện tại, sự phát triển của nguồn năng lượng sinh khối tại Trung Quốc đang đối mặt với một số vấn đề trở ngại, bao gồm nguồn tài nguyên sinh khối không đủ, chất lượng sản phẩm không cao, thu gom khó khăn, khó chuyển hóa; hiệu suất xúc tác và chuyển hóa sinh khối thấp, hao phí năng lượng và hao phí nước cao; công nghệ chuyển hóa sinh vật khó có thể mở rộng với quy mô nguồn vốn thấp, chất lượng sản phẩm sinh học đầu ra kém, thiếu tiêu chuẩn sản phẩm...

Vì vậy, Trung Quốc muốn phát triển ngành năng lượng sinh học cần kiên trì nguyên tắc phát triển sinh thái, xây dựng hệ thống kỹ thuật sinh thái năng lượng sinh học và hệ thống ngành sinh thái nhằm đạt đến sự phát triển hài hòa giữa con người, tự nhiên và năng lượng sinh học. Trong thao tác thực tế, cần kiên trì phát triển đa dạng giữa tài nguyên, kỹ thuật và sản phẩm.

Nỗ lực phát triển các sản phẩm năng lượng đầu ra với nhiều hình thức khác nhau như phát điện sinh khối, khí đốt sinh học, nhiên liệu lỏng sinh học... Đồng thời, nỗ lực phát triển các

nguồn năng lượng sinh khối phù hợp với đặc trưng khí hậu, đất đai, lượng mưa của địa phương, phát triển các kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm phù hợp với điều kiện và nhu cầu về tài nguyên của địa phương.

Ngoài việc coi trọng công tác nghiên cứu cơ bản mang tính triển vọng, khai thác các kỹ thuật quan trọng, nghiên cứu phát triển hệ thống tích hợp đồng bộ và xây dựng các công trình kiểu mẫu, Trung Quốc còn cần tăng cường công tác đánh giá và nghiên cứu chiến lược về sự phát triển khoa học kỹ thuật trên phương diện tận dụng khai thác năng lượng sinh học, xây dựng hệ thống đánh giá và nghiên cứu chiến lược năng lượng sinh khối; Tăng cường nghiên cứu hệ thống tiêu chuẩn, đề ra các tiêu chuẩn sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật về năng lượng sinh khối, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn năng lượng sinh học tiếp cận với thị trường.

Theo Kế hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển năng lượng sinh khối của Trung Quốc, tới năm 2015, lượng tận dụng năng lượng sinh khối hàng năm sẽ vượt trên 50 triệu tấn than quy tiêu

chuẩn. Trong đó, công suất phát điện sinh khối là 13 triệu KW, lượng phát điện hàng năm khoảng 78 tỷ KW. Đến năm 2020, tổng công suất phát điện sinh khối sẽ đạt tới 30 triệu KW, phát điện sinh khối nông lâm đạt 24 triệu KW, phát điện nhờ khí sinh học và rác thải lần lượt đạt 3 triệu KW. Căn cứ theo tình hình hiện tại, để thực hiện mục tiêu đã nêu cần sự nỗ lực và sự hỗ trợ từ nhiều phương diện của Chính phủ.

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển của nguồn năng lượng sinh khối, Chính phủ Trung Quốc cần đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu, phát triển cơ sở và công nghiệp hóa, bao gồm xây dựng hệ thống cung ứng nhiên liệu với nguồn nguyên liệu là cây trồng và rác thải nông lâm, đầu tư cải thiện gene cây trồng làm nhiên liệu, hỗ trợ các hạng mục nhiệt điện sinh khối, phát điện nhờ cây trồng làm nhiên liệu, hạng mục nhiệt điện sinh khối quy mô nhỏ...

Hà Tô Tần

Nguồn: chinajsb.cn

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC 06 THÁNG ĐẦU NĂM – TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2014 CỦA KHỐI THI ĐUA CÁC BỘ, NGÀNH KINH TẾ

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014



Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Trần thị Hà - Trưởng ban Thi đua, khen thưởng TW
phát biểu tại Hội nghị



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Khối trưởng Khối thi đua các Bộ, ngành kinh tế
chủ trì Hội nghị